

Số: 1804/2018/CV-TGD-BSI

TP.HCM, ngày 18 tháng 4 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi** : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, Số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3914 2929 Fax: (028) 3914 3435

Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Huỳnh Văn Tốt**

Địa chỉ: 26 Yersin, Phường Vạn Thắng, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0983.377.072

Fax: (028) 3914 3435

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/4/2018 tại đường dẫn <http://www.bsi.com.vn/InvestorRelations.aspx> ; hoặc Quý Cơ quan đăng nhập vào trang web [www.bsi.com.vn](http://www.bsi.com.vn) vào Mục Quan hệ Nhà đầu tư/Báo cáo thường niên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện theo pháp luật của Công ty  
**Tổng Giám đốc**



*Huỳnh Văn Tốt*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**KINH DOANH CHỨNG KHOÁN** chìa khóa để tạo ra giá trị lâu dài cho bất kỳ doanh nghiệp, là phải luôn luôn sáng tạo. Để đáp ứng linh hoạt tất cả các nhu cầu của quý vị, BSI luôn xác định xu hướng mới xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông. Trong báo cáo thường niên, quý vị sẽ khám phá ra sự đổi mới mà chúng tôi đang xây dựng để đạt được tiến bộ cụ thể trong lĩnh vực quản lý kinh doanh chứng khoán...

**Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)** được thành lập theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007 và kể từ đó BSI luôn đạt được sự gia tăng về khối lượng giao dịch hàng năm. Tại BSI, chúng tôi cùng nhau xây dựng để trở thành một thương hiệu chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. BSI cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm chất lượng đa dạng và chuyên biệt, có độ tin cậy cao dựa trên một nền tảng đội ngũ chuyên viên am hiểu về tài chính và giàu kinh nghiệm. “Vững tin vào đầu tư” là sức mạnh, thông điệp và cam kết hoạt động của BSI. Chúng tôi hiểu rằng sự thành công của khách hàng chính là sự thành công của BSI.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

## MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT  
Tổng quan về công ty  
Cột mốc phát triển  
Môi trường kinh doanh 2017  
Dự báo xu hướng phát triển năm 2018  
Kết quả hoạt động năm 2017  
Tổng quan dịch vụ  
Tình hình nhân sự  
Định hướng phát triển 2018  
Một số chỉ tiêu tài chính 2018  
Sơ đồ tổ chức  
Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Ban Tổng Giám đốc  
Báo cáo tài chính 2017



# THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên,*

Lời đầu tiên, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) xin trân trọng tri ân Quý vị đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Năm 2017 là năm cuối cùng trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm (2013-2017) của Công ty CP Chứng khoán BETA. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi ghi nhận nỗ lực của toàn thể Cán bộ nhân viên và Ban điều hành đã tận tâm thực hiện các nhiệm vụ của mình, giúp BSI đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần thúc đẩy BSI phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

*Kính thưa Quý vị,*

Giai đoạn 2018-2022, chắc chắn BSI sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức nhưng cũng sẽ đón nhận nhiều cơ hội để tạo ra bước phát triển đột phá. Chúng ta có thể tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của thị trường chứng khoán năm 2018, thông qua các tiêu chí sau:

- 1) Kết quả tăng trưởng đã tạo lập năm vừa qua đánh giá nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình từ giai đoạn hồi phục sang tăng tốc bứt phá mạnh mẽ trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức cao.
- 2) Năm 2018 là cao điểm của cơ cấu, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước.
- 3) Năm 2018 cũng là giai đoạn chuẩn bị quan trọng cho

mục tiêu nâng hạng thị trường. Việt Nam đã gia nhập TPP và điều này khả năng cao sẽ đem đến nhiều thuận lợi cho tất cả các ngành nghề bao gồm cả TTCK.

4) Triển vọng sáng nhất cho năm 2018 bao gồm các ngành ngân hàng, bất động sản, tiêu dùng, các doanh nghiệp tái cơ cấu và thời kỳ hội nhập ASEAN với thời đại kinh tế 4.0. Đứng trước cơ hội này, BSI xác định các mục tiêu trọng tâm như sau:

1) Một là, tập trung tái cơ cấu toàn diện các mặt trong hoạt động kinh doanh, chủ động kiểm soát rủi ro nhằm duy trì chất lượng và tăng trưởng bền vững.

2) Hai là, nâng cao bộ mặt chuyên môn và áp dụng các phương pháp tiên tiến vào quy trình vận hành của Công ty.

3) Ba là, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, chất lượng cao.

Từ những kết quả đạt được trong năm 2017 và các kế hoạch, chỉ tiêu trong năm 2018, chúng tôi tin rằng Quý vị sẽ luôn đồng hành cùng BSI trên con đường vươn đến những đỉnh cao thành công. Một lần nữa, Tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị BSI chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ và gắn bó của Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác trong suốt thời gian qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Trân trọng./.



**NGUYỄN VĂN CỰU**  
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



## **LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**

BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp



## THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)

Hội sở: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)

Website: [www.bsi.com.vn](http://www.bsi.com.vn)

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

# VISION, MISSION & VALUE

## **TẦM NHÌN**

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

## **SỨ MỆNH**

BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.

BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.



### **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

**MINH BẠCH:** BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.

**SÁNG TẠO:** BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

**TIN CẬY:** nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

## **LỢI THẾ CẠNH TRANH**

Thế mạnh của BSI là sự kết hợp giữa đội ngũ nhân sự chất lượng cao, lợi thế về công nghệ hiện đại, năng lực tài chính mạnh và được định hướng bằng chiến lược phát triển bền vững.

### **BSI hội tụ đội ngũ nhân sự có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp:**

Hệ thống nhân sự của BSI có chất lượng cao, bao gồm 20 cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ chuyên viên được đào tạo chuyên sâu về chứng khoán, tài chính và ngân hàng ở trong và ngoài nước; am tường trong lĩnh vực tài chính; nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các công ty tài chính, quỹ đầu tư và công ty chứng khoán; không ngừng cập nhật kỹ năng chuyên môn, năng lực nghiên cứu và được dẫn dắt bởi ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược.

### **Công nghệ hiện đại:**

BSI có hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ và trụ sở được đặt tại trung tâm tài chính. BSI được đánh giá là một trong những công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trong các công ty chứng khoán trong nước. Hiện nay, BSI đang áp dụng phần mềm giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp của công ty Tong Yang Securities và TY Systems (Hàn Quốc). Đây là phần mềm tiên phong về giao dịch trực tuyến, giao dịch di động và nhiều tiện ích giao dịch tiên tiến khác thông qua những phương thức giao dịch: B-Pro, B-Web và B-Mobile với những ưu điểm nổi bật như:

- Bảo mật cao, giao diện thân thiện, ổn định, nhiều tùy biến cá nhân hóa cho nhà đầu tư và được hỗ trợ bằng 03 ngôn ngữ: Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Hàn Quốc.
- Khả năng xử lý 50.000 lệnh tại cùng một thời điểm. Thời gian nhập lệnh nhanh hơn đến 10 lần và thời gian trả kết quả rút ngắn xuống dưới 0,5 giây/lệnh so với 2 - 3 giây/lệnh thông thường.
- Nhà đầu tư có thể theo dõi toàn bộ thông tin giao dịch,

biến động giá cổ phiếu, thông tin thị trường, đồ thị phân tích kỹ thuật hiện đại trên một màn hình tích hợp và được cập nhật theo thời gian thực.

- Cung cấp hệ thống thông minh để quản lý danh mục đầu tư, tài khoản chứng khoán hiệu quả. Truy cập, truy xuất nhanh dữ liệu giao dịch và những biến động nhạy cảm của thị trường dễ dàng.

Chúng tôi luôn dự báo trước các nhu cầu và sự phát triển của công nghệ trong tương lai, từ đó đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tốt nhất để đón đầu triển khai các nghiệp vụ mới.

### **Năng lực tài chính mạnh:**

BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, có kế hoạch tăng vốn hàng năm để trở thành một trong những công ty hàng đầu về vốn và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, BSI có một mạng lưới quan hệ rộng khắp, chặt chẽ với các quỹ đầu tư, các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước. Đây là cơ sở để BSI hoàn toàn có thể hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư về dịch vụ hỗ trợ vốn như giao dịch ký quỹ; ứng trước tiền bán; cầm cố chứng khoán; repo cổ phiếu, trái phiếu. Hơn nữa, được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức tài chính như: Ngân hàng Bản Việt; Ngân hàng Nam Á; Tập đoàn Đô Thành là nền tảng vững chắc cho sự thành công của các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là trong trường hợp khách hàng có nhu cầu tái cấu trúc vốn và những giải pháp về vốn khác.

### **Chiến lược phát triển bền vững:**

BSI tiếp tục kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch các quy trình thực hiện; nâng cấp và hoàn thiện



hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.

Những thế mạnh trên chỉ là một vài trong nhiều yếu tố để tạo ra lợi thế về sự khác biệt của chất lượng cũng như giá trị dịch vụ mà BSI mang đến cho nhà đầu tư. Hơn thế nữa, sự kết hợp tương hỗ chặt chẽ lợi thế đó với những tôn chỉ kinh doanh:

- Con người là trung tâm, khuyến khích tư duy sáng tạo trong chuyên môn nghiệp vụ vì quyền lợi của khách hàng và sự phát triển của BSI.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích và quyền lợi của các bên liên quan.
- Không ngừng đổi mới và phát triển toàn diện.

- Quản trị rủi ro hiệu quả, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong quản trị điều hành.

- Luôn tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển cộng đồng.

Những điều này đã tạo nên sức mạnh cạnh tranh toàn diện của BSI cũng như phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống. Từ đó tạo ra giá trị tối ưu cho nhà đầu tư đang sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BSI. Đồng thời, tiếp tục thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai, thích nghi với mọi giai đoạn phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. **“Vững tin vào đầu tư”** là khẩu hiệu và cũng chính là sự cam kết về chất lượng sản phẩm - dịch vụ của BSI đối với khách hàng.

# CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

**2007**

Ngày 06/12/2007:  
BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2008**

Ngày 25/7/2008:  
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 28/8/2008:  
BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

**2009**

Ngày 01/7/2009:  
BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

Ngày 08/10/2009:  
BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 20/11/2009:  
BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

**2010**

Ngày 14/10/2010:  
BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



**2011**

Tháng 1/2011:  
BSI vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010”.

Ngày 31/8/2011:  
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

**2012**

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-Trade, triển khai nghiệp vụ Margin.

**2013**

Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BSI chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ nhiều nhất năm 2013.

Tháng 3/2013: Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tháng 10/2013:  
BSI chính thức chuyển Trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay trung tâm tài chính của thành phố.

**2014**

Tháng 01/2014:  
BSI chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán. Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường trong nước và đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực. Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng.

# MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2017

## **MÔI TRƯỜNG KINH TẾ THẾ GIỚI**

Trái ngược với tình hình địa - chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu năm 2017 cải thiện, tạo viễn cảnh sáng sủa cho các nước đang phát triển Khu vực Đông Á Thái Bình Dương. Các nền kinh tế phát triển tăng trưởng mạnh, giá hàng hóa nguyên vật liệu hồi phục nhẹ và thương mại toàn cầu hồi phục chính là những yếu tố tích cực từ bên ngoài giúp các nước phát triển trong khu vực đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu.

## **Kinh tế toàn cầu tiếp tục mạnh lên trong năm 2017**

Các hoạt động chế tạo, chế biến được đẩy mạnh, thương mại hàng hóa đang khôi phục, điều kiện huy động vốn vẫn thuận lợi và giá cả thương phẩm đã đứng vững. Kinh tế toàn cầu khởi sắc phản ánh sự phục hồi ở các nền kinh tế tiên tiến đồng thời điều kiện xuất khẩu thương phẩm đang được cải thiện cho các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi. Trong số các nền kinh tế tiên tiến, tăng trưởng tại Mỹ đang vực dậy do chi tiêu dùng đang phục hồi mặc dù thị trường lao động bị thắt chặt. Khu vực đồng Euro cũng tăng

trưởng cao hơn dự kiến nhờ tình hình kinh tế được cải thiện chung ở các quốc gia, chi tiêu của hộ gia đình và tổng đầu tư toàn xã hội đều tăng lên. Tại Nhật Bản, tiêu dùng tư nhân tăng lên và đầu tư tư nhân được duy trì khiến cho tăng trưởng được đẩy mạnh; còn tăng trưởng của Trung Quốc vẫn ổn định.

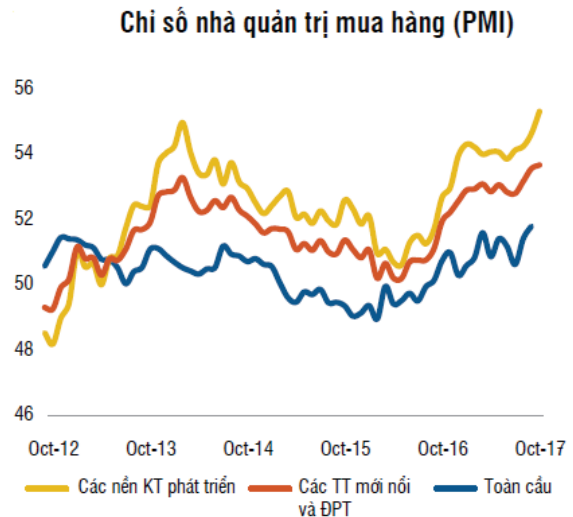
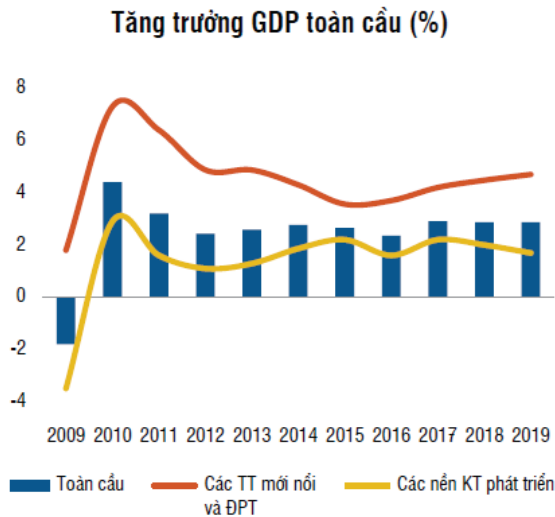
Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu bắt đầu khôi phục từ giữa năm 2016 sau hai năm yếu kém rõ rệt và vẫn tiếp tục đi lên trong năm 2017 với tốc độ tăng khoảng 4%. Thương mại toàn cầu đang được phục hồi toàn diện, với tốc độ tăng trưởng theo xu hướng đi lên ở cả các nền kinh tế tiên tiến cũng như ở các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi. Chỉ số nhà quản trị mua hàng toàn cầu (PMI) vẫn tăng ổn định trong quý III, 2017 và vẫn thể hiện đà tăng trong quý IV, 2017 (*biểu đồ 1*).

## **Kinh tế các quốc gia đang phát triển ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương vẫn tiếp tục đạt kết quả tốt năm 2017**

Khu vực này đang tăng trưởng cao hơn so với bất kỳ khu vực đang phát triển nào khác. Về tổng thể, tăng trưởng GDP của



Biểu đồ 1: Kinh tế toàn cầu tiếp tục mạnh lên trong năm 2017



khu vực được dự báo sẽ tăng lên gần 6,4% trong năm 2017. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc còn cao hơn dự kiến, ổn định ở mức 6,7%. Ngoài Trung Quốc, tăng trưởng vẫn ở mức cao do các yếu tố kết hợp như sức cầu mạnh trong nước, xuất khẩu phục hồi và các nền kinh tế xuất khẩu hàng nguyên vật liệu thô hạt gạo gặp nhiều thuận lợi hơn. Sau 2 năm năm vận hành Cộng đồng Kinh tế ASEAN, nhờ sự hội nhập ngày càng lớn và công cuộc cải cách không ngừng, ASEAN đang trở thành một trong những khu vực phát triển năng động nhất với mức tăng trưởng trung bình toàn khối được ghi nhận là 5,3% trong quý III/2017, cao hơn so với con số 5% của quý II.

**Rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng khu vực và toàn cầu vẫn cân bằng nhưng nghiêng theo hướng bất lợi**

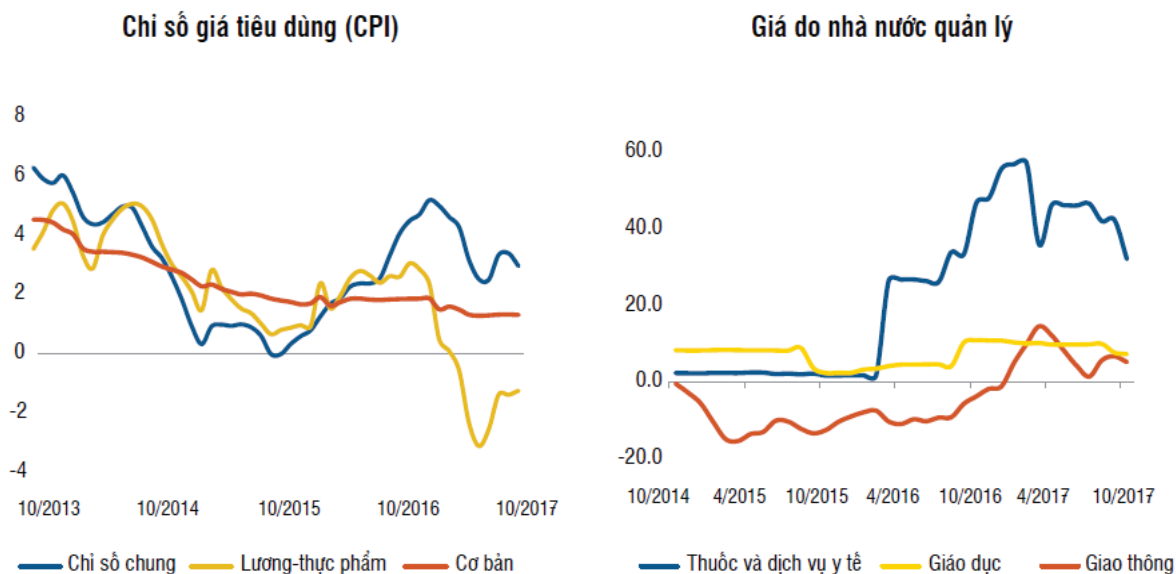
Về khả năng đi lên, tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến cũng như ở các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi cao hơn dự kiến - phần nào phản ánh quá trình phục hồi mạnh mẽ hơn nhờ vào đầu tư ở Mỹ và khu vực đồng Euro, hoặc sự phục hồi mạnh mẽ của các quốc gia xuất khẩu

thương phẩm thô quan trọng - qua đó có thể đem lại tác động lan tỏa tích cực đáng kể trên quốc tế trong ngắn hạn. Ngược lại, rủi ro theo hướng đi xuống bao gồm chủ nghĩa bảo hộ đang được đẩy lên, điều kiện tài chính toàn cầu đang bị thắt chặt theo hướng tự phát, qua đó có thể gây ảnh hưởng đến các thị trường mới nổi còn dễ bị tổn thương. Bên cạnh đó, khả năng bất ổn do tình hình chính trị và địa chính trị còn nhiều bất định. Chỉ cần những lưu chuyển vốn và thương mại toàn cầu bị ách tắc do một vài nền kinh tế tiên tiến chuyển sang chính sách hướng nội, điều đó sẽ gây nhiễu loạn trong hoạt động của các chuỗi giá trị toàn cầu, gây cản trở đầu tư, giảm năng suất và tốc độ tăng trưởng trên toàn cầu.

**DIỄN BIẾN CỦA KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2017**

Kinh tế Việt Nam tiếp tục tạo đà nhờ điều kiện trong nước và bên ngoài thuận lợi. So với năm 2016 tăng trưởng không như kỳ vọng, năm 2017 kinh tế Việt Nam cho thấy một dấu hiệu khởi sắc hơn với mức tăng trưởng cả năm đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra. Trong đó, tăng trưởng quý

Biểu đồ 2: Lạm phát cơ bản ổn định, lạm phát chung theo chỉ số giá tiêu dùng ở mức thấp



III và quý IV/2017 đạt mức cao ấn tượng đáng ghi nhận, lần lượt là 7,46% và 7,65% - cao nhất trong vòng 7 năm và cao hơn nhiều so với cùng kỳ các năm trước đó. Mặc dù đạt được kết quả tích cực nhưng việc duy trì được đà tăng trưởng cũng như ổn định vĩ mô trong năm 2018 vẫn là một thách thức lớn khi nhiều vấn đề nội tại của nền kinh tế đang đòi hỏi cần tiếp tục được giải quyết triệt để.

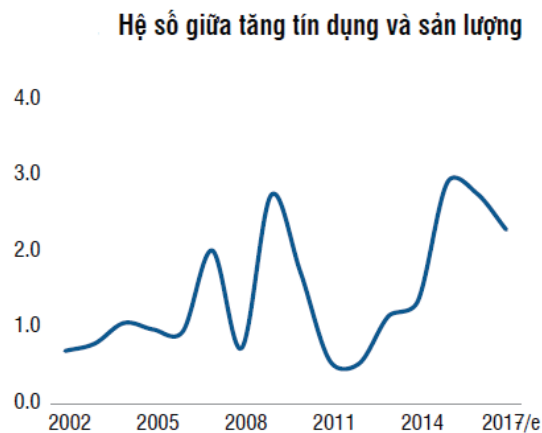
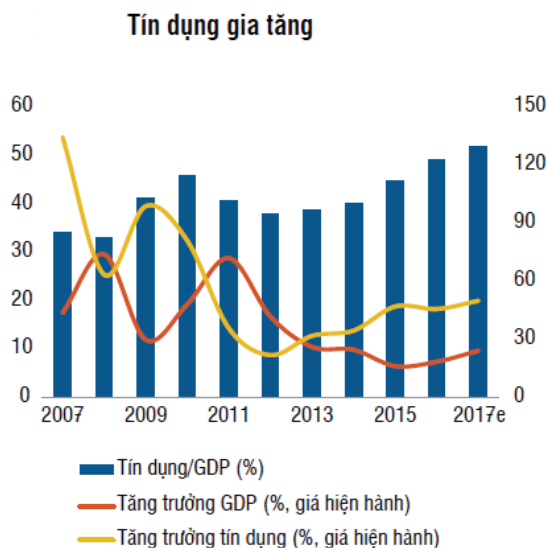
Đặc biệt, ngày 24/01/2018 tại Nhật Bản, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay còn gọi là TPP-11 đã đạt được kết quả bất ngờ khi 11 nước thành viên hoàn tất đàm phán để tiến tới ký kết chính thức vào ngày 08/3/2018 tới tại Chile. liềm mới và tích cực nhất của CPTPP chính là sự thống nhất tuyệt đối của các thành viên về nhu cầu duy trì một hiệp định chất lượng cao và toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực, chứ không chỉ là vấn đề mở cửa thị trường, thương mại và kinh tế. Kỳ vọng CPTPP sẽ đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại thế giới, giúp Việt Nam phát triển hoạt động thương mại với các nước như Canada, Mexico hay Peru - các nước chưa ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt

Nam. Việc số lượng thành viên của hiệp định này có khả năng không chỉ dừng lại ở con số 11 cũng sẽ mở ra một thị trường ngày càng rộng khắp.

**Trong bối cảnh áp lực lạm phát ở mức vừa phải, chính sách tiền tệ và tín dụng tiếp tục cân đối giữa ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng**

**Do giá lương thực thực phẩm vẫn thấp và lạm phát cơ bản ổn định, lạm phát chung theo chỉ số giá tiêu dùng vẫn ở mức thấp.** Chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,41% trong tháng 10 (so với tháng trước), khiến cho CPI so với cùng kỳ năm trước chỉ tăng nhẹ 3% (biểu đồ 2). Giá lương thực thực phẩm được giữ ở mức thấp do nguồn cung dồi dào. Các ngành và địa phương phối hợp tương đối tốt trong quá trình điều chỉnh giá các dịch vụ do nhà nước quản lý (chủ yếu trong lĩnh vực y tế và giáo dục), qua đó giúp bình ổn tác động trên toàn quốc. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản (không tính giá lương thực, thực phẩm, nhiên liệu và giá do nhà nước quản lý) vẫn ổn định ở mức 1,3% (so với cùng kỳ năm trước).

Biểu đồ 3: Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức cao



Với bối cảnh áp lực lạm phát thấp, các cấp có thẩm quyền chủ động nói lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhân thời điểm lạm phát thấp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nói lỏng tiền tệ vào đầu tháng 7 bằng cách giảm lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn 25 điểm phần trăm xuống còn lần lượt bằng 4,25% và 6,25% - lần điều chỉnh lãi suất đầu tiên sau ba năm. Chính sách tiền tệ thuận lợi đã góp phần tạo điều kiện thanh khoản dồi dào trong khu vực ngân hàng khiến cho lãi suất liên ngân hàng giảm chỉ còn chưa đến 1% - thấp hơn khá nhiều so với mức lãi suất chính sách thấp nhất từ trước đến nay. Tăng trưởng tín dụng được duy trì ở mức cao, tương đương khoảng 18,5% (so với cùng kỳ năm trước) vào tháng 10/2017, cao gần gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng GDP theo giá hiện hành. Mặc dù tăng trưởng tín dụng có thể do thu nhập tăng cao, làm tăng nhu cầu về nhà ở và đầu tư cho năng lực sản xuất. Nhưng tăng trưởng tín dụng ở mức cao, nhất là tăng theo các chỉ tiêu hành chính, có thể khuyến khích các hoạt động cho vay rủi ro quá mức và phân bổ tín dụng thiếu hợp lý, từ đó làm suy giảm chất lượng tài sản của

hệ thống ngân hàng. Thực tế nhiều năm qua cho thấy hàm lượng tín dụng đóng góp trong tăng trưởng đang tăng lên, nghĩa là cần nhiều tín dụng hơn để tạo ra cùng một đơn vị sản lượng tăng thêm (biểu đồ 3).

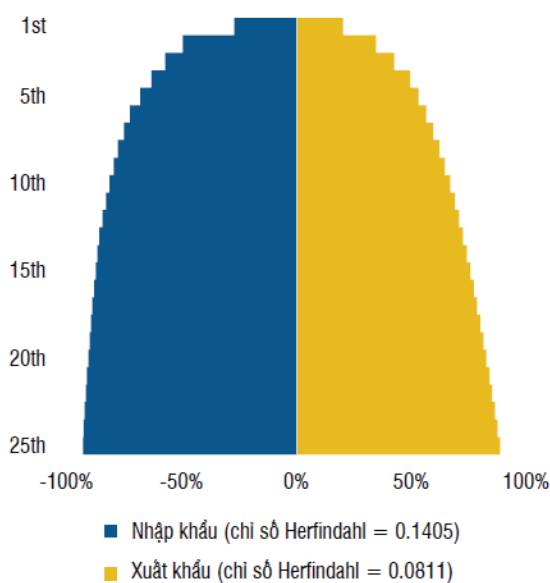
**Ổn định ở khu vực ngân hàng tiếp tục được cải thiện, phản ánh điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi và một số tiến triển trong xử lý nợ xấu.** Công tác xử lý nợ xấu gặp trở ngại do những hạn chế về pháp lý liên quan đến bán và tái cơ cấu tài sản thế chấp, thiếu năng lực quản lý tài sản và thiếu khả năng ghi nhận lỗ. Nghị quyết 42 mới được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2017 đã giải quyết được một số trở ngại để xử lý nợ xấu hiệu quả, bao gồm cả các biện pháp cải thiện để bên cho vay có khả năng thực thi hiệu lực đối với tài sản đảm bảo nhằm tạo điều kiện cho các ngân hàng thu hồi tài sản thế chấp và giải chấp nợ xấu. Nghị quyết 42 cũng tạo điều kiện tăng cường giao dịch nợ xấu trên thị trường thứ cấp. Nhưng bên cạnh những tiến triển trên, khối lượng nợ xấu chưa xử lý triệt để còn lớn và tỷ lệ an toàn vốn ở một số ngân hàng vẫn còn tương đối mỏng so với chuẩn

Biểu đồ 4: Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức cao

### Đôi tác thương mại của Việt Nam (% tổng)

	2015	2016	10T-17
<i>Thị trường xuất khẩu</i>			
Trung Quốc	10,6	12,4	15,2
Đông Bắc Á	19,8	19,5	19,7
Hoa Kỳ	20,7	21,8	19,8
EU	18,9	19,0	18,0
ASEAN	11,3	9,9	10,3
Khác	18,7	17,3	17,0
<i>Nguồn nhập khẩu</i>			
Trung Quốc	29,9	28,7	27,1
Đông Bắc Á	32,8	34,3	36,9
Hoa Kỳ	4,7	5,0	4,4
EU	6,2	6,3	5,7
ASEAN	14,4	13,7	13,2
Khác	12,0	12,0	12,6

### Mức độ tập trung thương mại của Việt Nam<sup>2</sup>



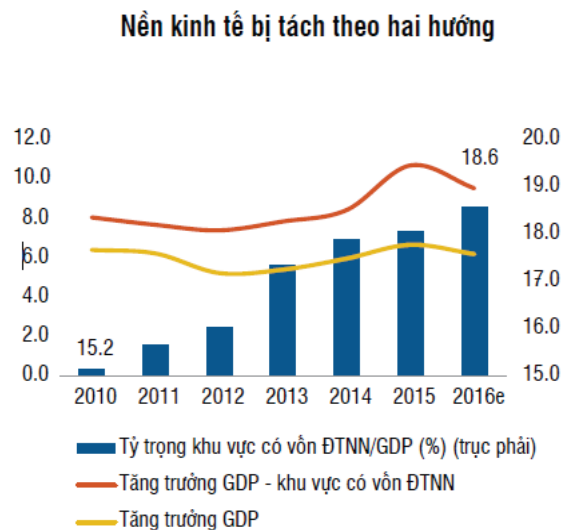
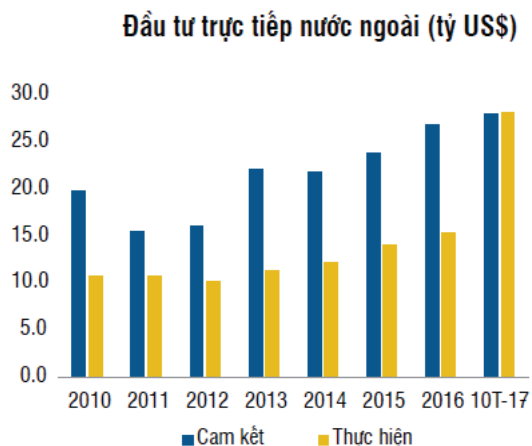
mức quốc tế. Bên cạnh đó là quan ngại về ảnh hưởng của tăng trưởng tín dụng đến chất lượng tín dụng. Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi đã được Quốc hội thông qua vào phiên họp tháng 11. Nghị quyết số 42 và Luật về các tổ chức tín dụng sửa đổi đã tạo nền tảng cho Đề án tái cơ cấu ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020 mới được thông qua. Văn bản pháp quy hướng dẫn triển khai các nguyên tắc Basel II cũng đang được xây dựng và dự kiến sẽ cải thiện về quản lý rủi ro ở các ngân hàng và xử lý được những rủi ro quan trọng trong các hoạt động ở khu vực ngân hàng. NHNN cũng đang nỗ lực xác định những ngân hàng yếu kém và xử lý rủi ro hệ thống do các ngân hàng đó gây ra.

**Tình hình kinh tế đối ngoại của Việt Nam do thế mạnh về xuất khẩu; nhập khẩu khôi phục đáng kể và kết quả thương mại tích cực nhờ vào quan hệ giao thương đa dạng Nhu cầu bên ngoài tốt hơn càng củng cố thêm kết quả xuất khẩu vốn đã mạnh của Việt Nam.** Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2017 ước đạt 174,5 tỷ US\$, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng mạnh do giá cả thương phẩm thô đang phục hồi. Kim ngạch xuất khẩu dầu thô tăng 26% trong khi năm trước bị suy giảm mạnh. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp cũng tăng mạnh ở mức khoảng 17,5%. Kim ngạch xuất khẩu ở các ngành chế tạo, chế biến tiếp tục đạt kết quả tăng trưởng tốt, nhất là ở những mặt hàng công nghệ như điện thoại di động, hàng điện tử và máy tính với mức tăng 32%, nhưng các mặt hàng xuất khẩu truyền thống thuộc các ngành chế tạo, chế biến thâm dụng lao động như may mặc, giày da, túi và vali, sản phẩm gỗ cũng tăng trưởng đến 16%. Cho dù khu vực trong nước đã có những cải thiện về kết quả xuất khẩu trong năm 2017, nhưng xuất khẩu vẫn do khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chi phối. Xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục chiếm lĩnh thị phần trên toàn cầu, phần nào phản ánh năng lực cạnh tranh về chi phí cũng như khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo định hướng xuất khẩu.

**Nhập khẩu được khôi phục đáng kể trong năm 2017 sau khi tốc độ tăng chững lại vào năm 2016.** Nhập khẩu nhất

Biểu đồ 5: Dòng vốn đầu tư FDI vẫn đổ vào mạnh mẽ



là nhập khẩu hàng hóa trung gian và đầu tư tiếp tục tăng mạnh, phản ánh các hoạt động đầu tư đang được đẩy mạnh và hàm lượng nhập khẩu trong một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam còn cao. Chi phí nhập khẩu trong mười tháng đầu năm ước bằng 172 tỷ US\$, tăng 21,6% so với tốc độ tăng 5,4% cùng kỳ năm 2016. Kim ngạch nhập khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài tăng vững trong khi kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước đã và đang từng bước khôi phục sau khi bị suy giảm bất thường trong năm trước. Tăng trưởng nhập khẩu, nhất là nhập khẩu hàng hóa đầu tư là động thái tích cực, cho thấy các cơ sở sản xuất đang mở rộng năng lực góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng tiềm năng và tiềm năng xuất khẩu trong tương lai của Việt Nam.

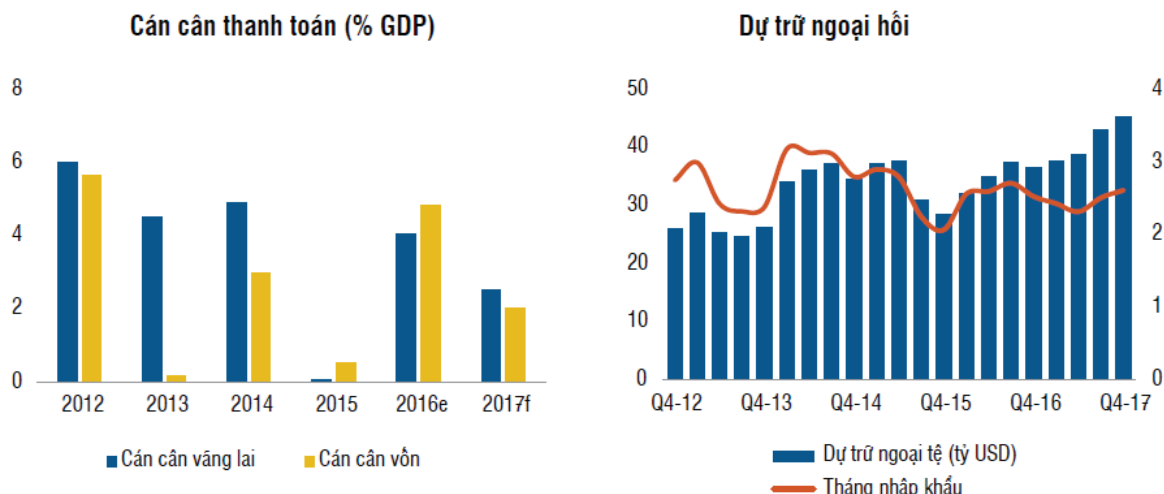
**Kết quả thương mại của Việt Nam nhờ vào quan hệ giao thương đa dạng.** Việt Nam là thành viên của 16 hiệp định thương mại đa phương và song phương. Chính điều đó tạo điều kiện để các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam phục vụ cho nhiều thị trường khác nhau. Trong số các đối tác thương mại, Hoa Kỳ tiếp tục là đối tác lớn nhất của Việt Nam, đóng

góp đến 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tiếp theo là các thị trường Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Hồng Kông), EU và ASEAN. Việt Nam đã thành công trong việc giữ vững thị phần xuất khẩu ổn định. Tuy nhiên, nhập khẩu của Việt Nam có mức độ tập trung cao. Trong đó, 10 đối tác hàng đầu đóng góp đến 83% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Trung Quốc vẫn là nguồn nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, tiếp theo là Hàn Quốc và Nhật Bản. Ba đối tác hàng đầu trên chiếm gần 58% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam. Đa dạng hóa thị trường hơn nữa sẽ giúp Việt Nam duy trì lợi ích từ xuất khẩu và nhập khẩu, đồng thời giảm thiểu rủi ro kinh tế do những biến động kinh tế bên ngoài (biểu đồ 4).

**Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn mạnh trong những tháng qua, phản ánh năng lực cạnh tranh nhờ các yếu tố căn bản và cảm nhận tích cực của nhà đầu tư**

Trong mười tháng đầu năm 2017, các nhà đầu tư nước ngoài cam kết 28 tỷ cho Việt Nam - tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Điều đáng chú ý là cam kết đã lên đến mức cao nhất

Biểu đồ 6: Cán cân thanh toán tiếp tục thặng dư



kể từ khi đạt đỉnh năm 2008. Đồng thời, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã giải ngân 14,2 tỷ USD - tăng 11,8% theo giá hiện hành so với năm trước. Đến tháng 10/2017, Việt Nam đã tiếp nhận đầu tư từ 128 quốc gia và vùng lãnh thổ, nâng tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cộng dồn lên đến gần 313 tỷ USD ở các hoạt động đầu tư đa dạng. Khu vực đầu tư nước ngoài đóng góp khoảng 18% cho GDP của Việt Nam, gần một phần tư tổng đầu tư toàn xã hội, hai phần ba tổng kim ngạch xuất khẩu, 18,5% tổng thu ngân sách cùng hàng triệu việc làm trực tiếp và gián tiếp. Khu vực này cũng là động lực tăng trưởng GDP mạnh và ổn định (biểu đồ 5).

**Cán cân thanh toán của Việt Nam vẫn thặng dư nhờ thặng dư thương mại, nguồn kiều hối và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ**

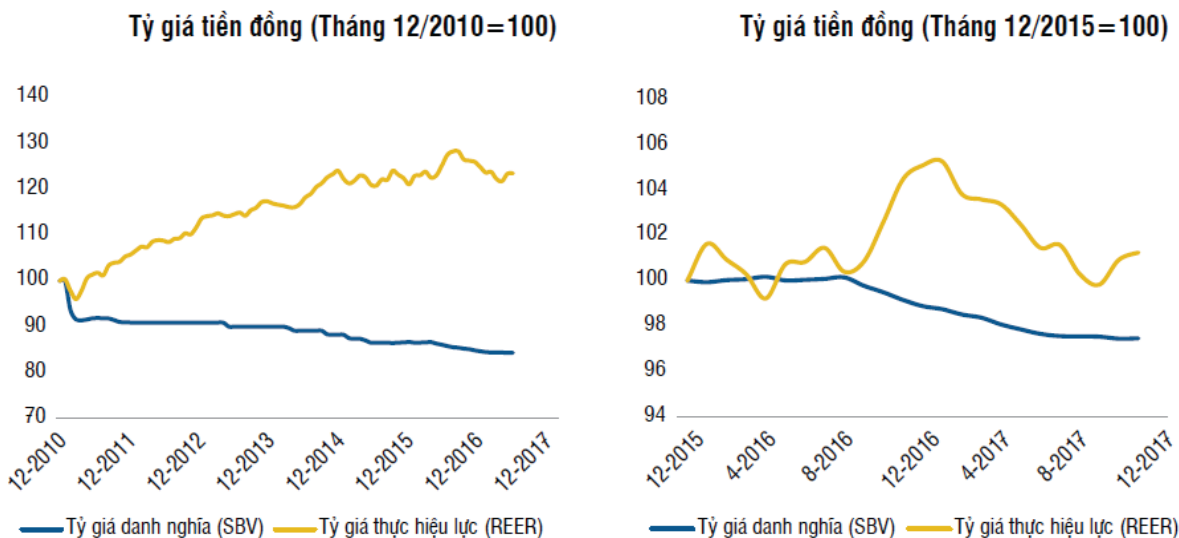
Tài khoản vãng lai đạt thặng dư ở mức khoảng 1,5% GDP (quy theo năm) trong sáu tháng đầu năm, giảm nhẹ so với năm trước. Tài khoản vốn cũng duy trì được thặng dư, chủ yếu do dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dồi dào bên

cạnh dòng vốn viện trợ chính thức (biểu đồ 6). Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2017, tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 39,1 tỷ USD, trong đó, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt 19,3 tỷ USD (giảm 3,5%) và nhập khẩu ước đạt 19,8 tỷ USD (tăng 2,1%), cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt khoảng 500 triệu USD. Như vậy, cán cân thương mại hàng hóa năm 2017 dự kiến thặng dư 2,67 tỷ USD, cao hơn mức thặng dư năm 2016 gần 900 triệu USD.

**Tỷ giá đã và đang ổn định còn dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng**

Nhờ tình hình kinh tế đối ngoại vững vàng, tỷ giá đã và đang ổn định còn dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng. Duy trì tỷ giá danh nghĩa với đồng US\$ theo một biên độ hẹp với tỷ giá tham chiếu bị mất giá từ đầu năm đến nay bằng 1,4%. Cách làm đó giúp duy trì tỷ giá thực hiệu lực (REER) ở mức cao cho đồng nội tệ và tạo điều kiện tiếp tục tăng dự trữ ngoại hối thêm gần 5 tỷ USD trong ba quý đầu năm, nâng tổng dự trữ ngoại hối lên khoảng 42 tỷ USD vào cuối tháng 9, tương đương gần ba tháng nhập khẩu (biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Tỷ giá tiếp tục duy trì sự ổn định



Trên thị trường ngoại hối, tỷ giá danh nghĩa được duy trì ổn định xuyên suốt năm 2017. Nhờ vào lạm phát thấp, lượng cung ngoại tệ dồi dào đến từ sự gia tăng của lượng vốn đầu tư cả trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài, cộng với việc đồng USD liên tục mất giá so với các đồng tiền mạnh khác đã giảm đáng kể sức ép đối với tỷ giá VND/USD tại Việt Nam. Do đó, cả tỷ giá tham chiếu và tỷ giá giao dịch tại các NHTM đều biến động không đáng kể trong suốt nửa sau của năm. Tính tới 31/12/2017, tỷ giá trung tâm giữa tiền VND và USD được NHNN công bố ở mức 22.425 VND/USD, tăng 1,2% so với cuối năm 2016.

#### Việt Nam đang có những kết quả đáng ghi nhận về cải thiện môi trường kinh doanh

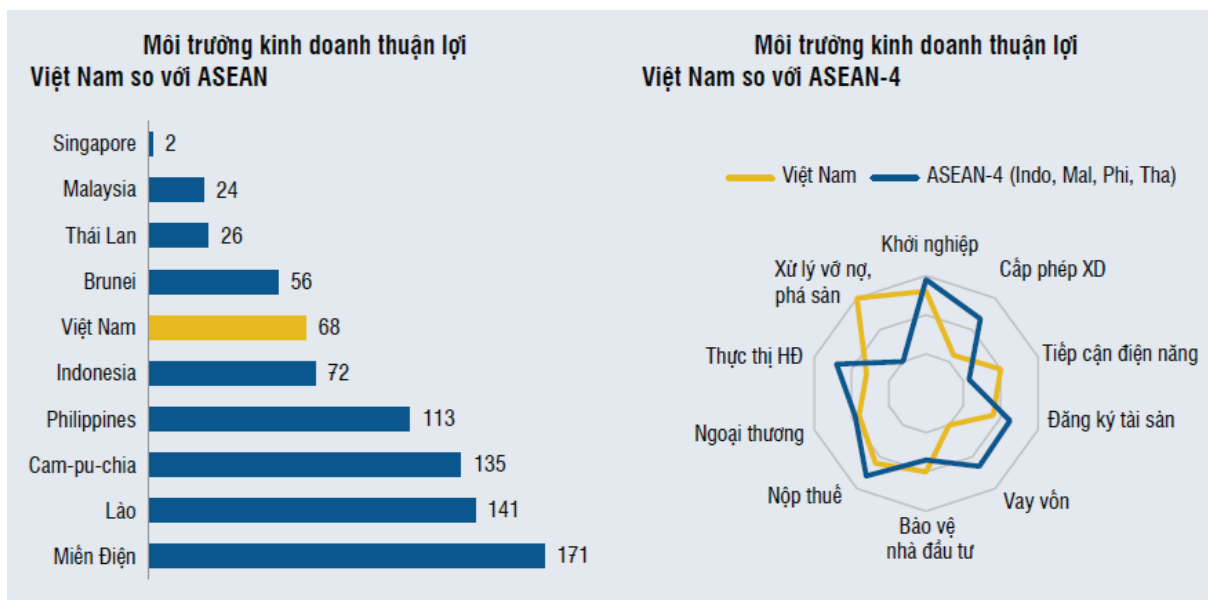
Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh là điều kiện cần bản để khu vực tư nhân trong nước phát triển. Nhờ các nỗ lực của Chính phủ (loạt Nghị quyết số 19 từ năm 2014 đến năm 2017), môi trường kinh doanh đã được cải thiện liên tục. Nhờ đó, Việt Nam đã được nâng hạng trong Chỉ số thuận lợi kinh doanh của Ngân hàng Thế giới từ hạng mức

90 (trong số 189 quốc gia) tại DB2016 lên đến hạng mức 82 (trong số 190 quốc gia) năm 2016 và hạng mức 68 (trong số 190 quốc gia) trong báo cáo mới ban hành 2017. Tuy nhiên Việt Nam vẫn đứng sau các quốc gia tiên tiến hơn trong khu vực, bao gồm Singapore, Malaysia và Thailand (biểu đồ 8).

#### Tình hình ngân sách đang được củng cố, nhưng chất lượng điều chỉnh và tính bền vững vẫn cần cải thiện

Bộ chi ngân sách giảm mạnh trong năm 2017. Bộ chi ngân sách trong chín tháng đầu năm 2017 theo ước tính giảm xuống dưới 2% GDP (quy theo năm), qua đó kiểm chế nợ công gia tăng và đảm bảo tuân thủ hạn mức nợ bằng 65% GDP theo luật định. Về thu ngân sách, bộ chi giảm xuống nhờ thu đạt kết quả tốt. Về chi ngân sách, điều chỉnh đang bị nghiêng nhiều hơn về đầu tư công, hiện đã giảm xuống còn 16% tổng chi tiêu trong chín tháng đầu năm 2017, so với mức bình quân 25% giai đoạn 2012 - 2016. Mặc dù chú trọng nâng cao hiệu suất đầu tư công là điều đáng hoan nghênh, nhưng cắt giảm chi đầu tư đồng loạt đang làm dấy

Biểu đồ 8: Việt Nam đang có những tiến triển về cải thiện môi trường kinh doanh



lên quan ngại vì Việt Nam cần đầu tư nhiều cho hạ tầng để hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai (biểu đồ 9).

Mặc dù đạt hiệu quả trước mắt, nhưng cơ cấu điều chỉnh tài khóa hiện nay chưa nhất thiết được coi là bền vững về lâu dài. Hiện vẫn đang có nhu cầu tăng cường chiều sâu cải cách về thu và chi. Về thu ngân sách, ưu tiên trước mắt vẫn là mở rộng cơ sở tính thuế và tăng cường quản lý thuế. Về chi ngân sách, phương án cắt giảm chi đầu tư đồng loạt nên được thay thế bằng những cải cách có trọng tâm hơn để dẫn đến nâng cao hiệu suất trong thực tế, bao gồm hợp lý hóa bộ máy quản lý nhà nước (đòi hỏi phải cải cách sâu ở khu vực sự nghiệp, bao gồm y tế và giáo dục), nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong đầu tư công và đấu thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ.

**Nền kinh tế năng động của Việt Nam tiếp tục tạo thêm việc làm và mức lương thực tế đang tăng nhanh, dẫn đến giảm nghèo và nâng cao phúc lợi chung**

Thu nhập khả dụng thực tế của hộ gia đình đang được hưởng lợi nhờ lạm phát thấp, khu vực việc làm hưởng lương đang

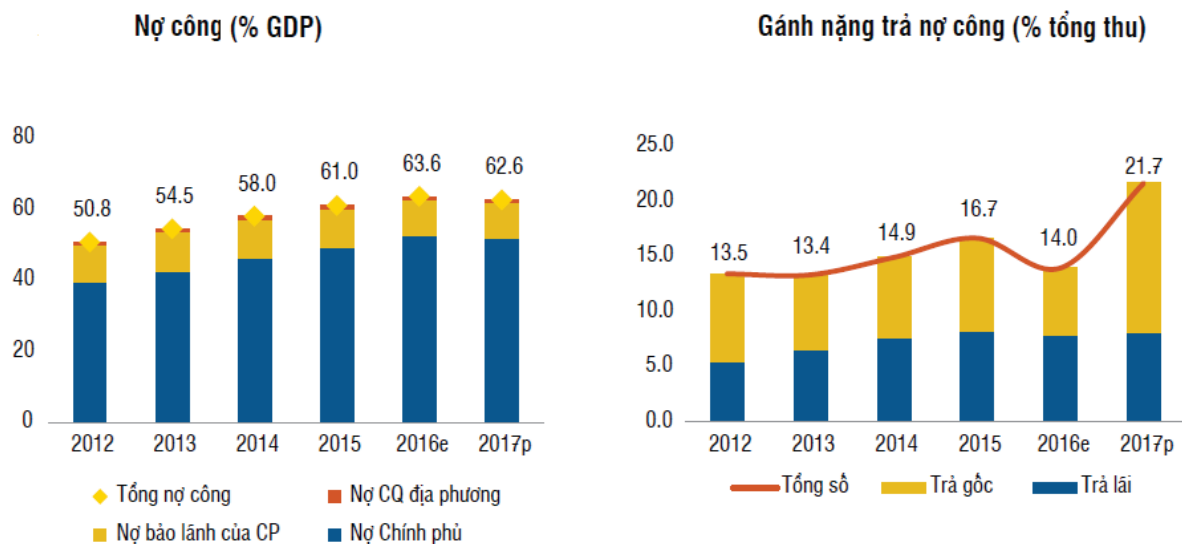
phát triển và mức lương danh nghĩa tăng mạnh. Trong ba năm qua, Việt Nam tăng được 1,6 triệu việc làm mới (ròng) trong các ngành chế tạo và chế biến, nhất là ở các ngành định hướng xuất khẩu. Nhu cầu lao động trong các ngành xây dựng, bán lẻ và phục vụ khách hàng góp lại đóng góp thêm 700.000 việc làm mới. Tăng việc làm cũng giúp tái tạo động lực chuyển đổi cơ cấu và góp phần sắp xếp lại lao động sang các hoạt động đem lại năng suất cao hơn, qua đó tổng năng suất lao động được nâng cao. Nhu cầu về lao động cũng góp phần làm mức lương tăng nhanh, trong đó mức lương danh nghĩa bình quân tăng 8% từ Q1, 2014 đến Q1, 2017. Kết quả là tỷ lệ nghèo tiếp tục giảm, trong đó tỷ lệ nghèo đói cùng cực hiện ước tính đã giảm xuống dưới 2%, theo chuẩn nghèo quốc tế (1,90 US\$/ngày).

**GDP tăng trưởng ấn tượng trong năm 2017**

So với năm 2016 tăng trưởng không như kỳ vọng, năm 2017 kinh tế Việt Nam cho thấy một dấu hiệu khởi sắc hơn. Nhờ tình hình bên ngoài và trong nước thuận lợi, tăng trưởng GDP cả năm 2017 đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề



Biểu đồ 9: Từng bước giảm bội chi ngân sách góp phần kiểm chế gia tăng nợ công



ra . Trong đó, tăng trưởng quý III và quý IV/2017 đạt mức cao ấn tượng lần lượt là 7,46% và 7,65% cao nhất trong vòng 7 năm và cao hơn nhiều so với cùng kỳ các năm trước đó.

Trong trung hạn, tăng trưởng dự kiến sẽ ổn định ở mức khoảng 6,5% khi tác động tăng theo chu kỳ hiện nay không còn nữa. Nhìn từ góc độ sản lượng sản xuất, tăng trưởng dự kiến vẫn tiếp diễn nhờ vào các ngành dịch vụ, chế tạo và chế biến, và nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục trợ lực. Lạm phát dự kiến vẫn ở mức vừa phải nhờ giá cả lương thực thực phẩm và năng lượng trên toàn cầu còn thấp trước khi tăng nhẹ trong trung hạn vì tăng lương và tăng trưởng tín dụng nhanh có thể làm cho lạm phát cơ bản tăng lên. Cán cân thương mại vẫn khả quan theo dự báo cho dù nhập khẩu tăng mạnh, qua đó giúp Việt Nam duy trì được thặng dư tài khoản vãng lai, tuy ở mức thấp hơn. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mạnh mẽ cũng giúp tài khoản vốn được thặng dư. Bội chi ngân sách ước tính ở mức trên dưới 4% GDP trong năm nay. Tuy nhiên sau khi được điều chỉnh mạnh vào năm nay, nhịp độ củng cố tình hình ngân

sách dự kiến sẽ chậm lại trong trung hạn (biểu đồ 10).

**Kinh tế Việt Nam đạt kết quả hơn mong đợi. Tuy nhiên, còn đó những thách thức đến từ những vấn đề nội tại**

2017 có thể nói là một năm thành công của kinh tế Việt Nam khi là năm đầu tiên sau nhiều năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức cả 13/13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Quốc hội đề ra. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định cùng với những cải cách thể chế nhằm cải thiện môi trường đầu tư được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt kỳ vọng sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động kinh doanh trong năm 2018. Đặc biệt, việc tổ chức thành công sự kiện APEC cũng như đạt được thỏa thuận Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng sẽ mở ra nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới khi niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài liên tục được củng cố. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề nội tại cố hữu của nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để, cần đặc biệt lưu ý gồm:

- Thứ nhất, động lực tăng trưởng kinh tế vẫn chưa đến từ việc tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, lợi thế về lao

Biểu đồ 10: Tăng trưởng GDP dự kiến sẽ ổn định

### Một vài chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản

	2015	Ước 2016	Ước 2017	Dự báo 2018	Dự báo 2019
Tăng trưởng GDP (%)	6,7	6,2	6,7	6,5	6,5
Tăng trưởng GDP (%) theo ước tính tháng 6/2017	6,7	6,2	6,3	6,4	6,4
Chỉ số giá tiêu dùng (bình quân năm, %)	0,6	2,7	3,8	4,0	4,0
Cân đối tài khoản vãng lai (% GDP)	0,1	4,1	2,5	2,0	1,6
Bội chi ngân sách (% GDP, theo cách tính của GFS)	-6,2	-6,3	-4,0	-4,2	-4,1
Nợ công và được khu vực công bảo lãnh (% GDP, theo cách tính của GFS)	57,2	60,0	59,6	60,7	61,3
Nợ công và được khu vực công bảo lãnh (% GDP, theo cách tính của Bộ Tài chính)	61,0	63,6	62,8	63,7	64,2

động giá rẻ sẽ ngày càng mất đi do tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh tài nguyên ngày càng cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục suy giảm, công nghiệp chế tạo chưa tạo ra được những đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước nhiều rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, áp lực tăng trưởng cho năm 2018 thực sự là một thách thức lớn.

- Thứ hai, thâm hụt ngân sách và nợ công vẫn tiếp tục là vấn đề được dư luận quan tâm. Trong bối cảnh ngày càng khó tiếp cận được nguồn vốn vay ODA, Việt Nam sẽ cần sử dụng nhiều hơn nguồn nội lực của mình làm động lực cho tăng trưởng.

- Thứ ba, việc phụ thuộc nhiều vào kinh tế thế giới và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra nhiều bất trắc tiềm ẩn cho nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2018 có thể đối mặt với nhiều rủi ro bất định lớn liên quan đến địa chính trị, xu hướng bảo hộ và sự thay đổi ngày càng nhanh của khoa học công nghệ trên thế giới.

### THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2017: ÁN TƯỢNG TỪ NHỮNG KỶ LỤC - TĂNG MẠNH NHẤT CHÂU Á

Chỉ số VN Index tăng 43% so với cuối năm 2016 (biểu đồ 11) - mức cao nhất gần 10 năm trở lại đây (số liệu chốt ngày 22/12/2017). Tương tự, chỉ số HNX-Index tăng 31,4% khi kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2017 (biểu đồ 12). Mức vốn hóa thị trường tăng trưởng mạnh mẽ 73% và đạt mức tương đương 74,6% GDP, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020; tổng giá trị danh mục nhà đầu tư nước ngoài vượt 31 tỷ USD; giá trị mua ròng của khối ngoại trên cả cổ phiếu và trái phiếu đạt hơn 44 nghìn tỷ đồng; những phiên thoái vốn hàng tỷ USD và nhiều kỷ lục khác trong những phiên giao dịch đầy cảm xúc. Đây đều là những con số kỷ lục được xác lập trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2017. Có thể nói rằng, sự tăng trưởng của TTCK là một điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017, thậm chí vượt qua cả những dự báo tích cực nhất về thị trường đưa ra vào thời điểm đầu năm.

Trên thị trường cổ phiếu chưa niêm yết (UPCOM) cũng đã có thêm 285 doanh nghiệp đưa cổ phiếu vào đăng ký giao dịch,

Biểu đồ 11 Diễn biến VN Index năm 2017



8 doanh nghiệp hủy đăng ký giao dịch, tổng số doanh nghiệp giao dịch UPCOM tính đến cuối năm 2017 là 690 doanh nghiệp, tổng giá trị đăng ký giao dịch đạt 241.580 tỷ đồng, tổng giá trị vốn hóa đạt 677.705 tỷ đồng (tăng gấp 3 lần so với 2016 và cao hơn 3 lần giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết). Chỉ số UPCOM Index tăng 2,03% so với cuối năm 2016.

#### Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam ra đời

Ngày 10/8/2017, thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam chính thức được vận hành tại Sở GDCK Hà Nội. Sự ra đời của thị trường chứng khoán phái sinh đã tiến thêm một bước quan trọng trong tiến trình hoàn chỉnh cấu trúc của thị trường chứng khoán Việt Nam. Sản phẩm đầu tiên của thị trường là Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu VN30 với 4 loại hợp đồng. Chỉ trong vòng 5 tháng, quy mô thị trường chứng khoán phái sinh đã gia tăng theo cấp số nhân. Tính đến cuối năm 2017, đã có trên 16.300 tài khoản giao dịch phái sinh được mở và quy mô giao dịch bình quân tháng 12 đạt trên 1.600 tỷ đồng/phiên giá trị danh nghĩa. Bản chất của TTCK phái sinh là cung cấp công cụ phòng ngừa cho nhà đầu tư,

tuy nhiên trong những tháng đầu hoạt động, thị trường này mới được sử dụng như một kênh đầu tư sinh lợi với các chủ thể tham gia chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân.

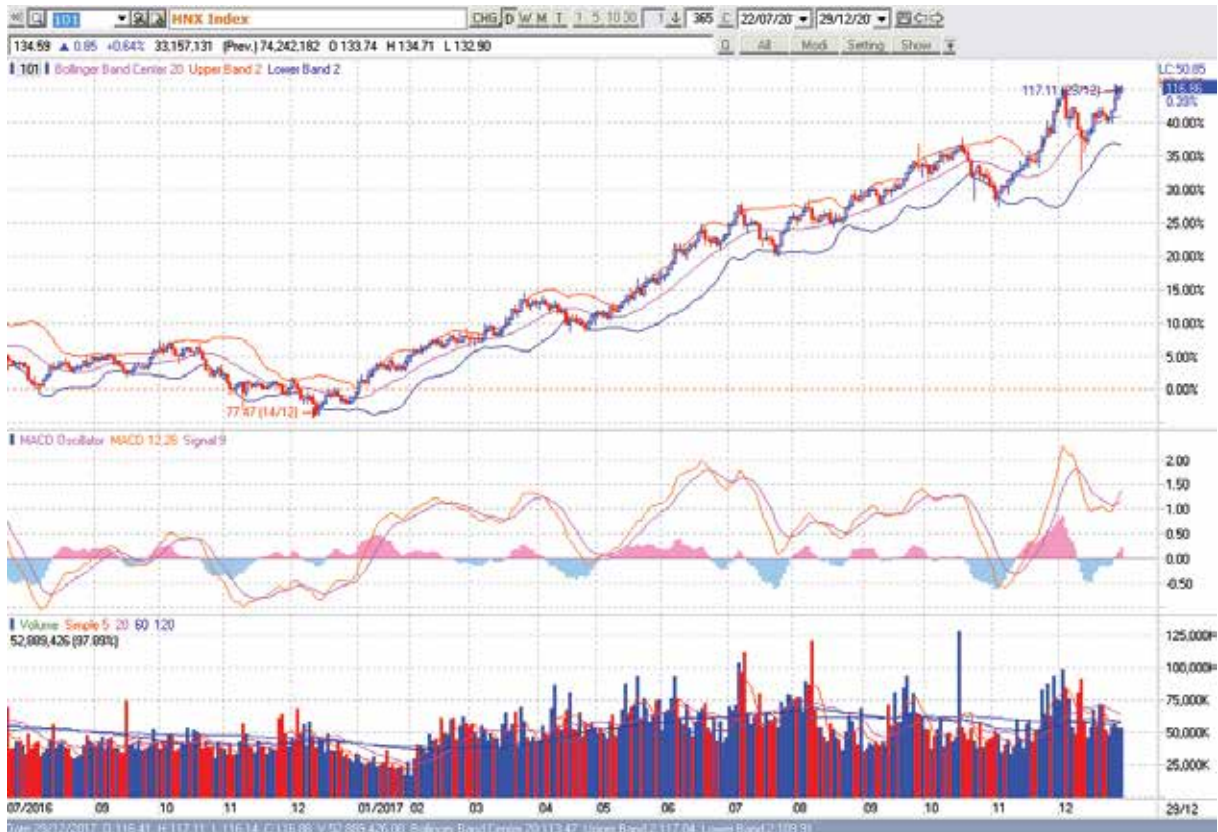
#### Thị trường giao dịch trái phiếu tăng trưởng ngoạn mục

Năm 2017, tổng giá trị giao dịch bình quân trái phiếu đạt hơn 8.890 tỷ đồng/phiên, tăng 38% so với bình quân năm 2016. Thị trường TPCP tiếp tục có bước phát triển mạnh về chiều sâu, giá trị giao dịch repo tăng 72% so với năm 2016 và chiếm 48% tổng giao dịch toàn thị trường trái phiếu. Năm 2017 cũng tiếp tục chứng kiến những thành công trong huy động vốn qua đấu thầu trái phiếu, khi tổng khối lượng Trái phiếu Chính phủ huy động được đạt 189 nghìn tỷ đồng, riêng Kho bạc Nhà nước huy động được 158 nghìn tỷ đồng.

#### Đấu ấn cổ phiếu ngân hàng và các doanh nghiệp tỷ USD

Với 5 ngân hàng cùng lên sàn năm 2017, sản chứng khoán đã đón tổng cộng 13 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên các sàn chứng khoán trong tổng cộng hơn 30 ngân hàng thương mại cổ phần hiện nay, gồm: Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Eximbank, MBBank, Sacombank, VPB (niêm yết trên HOSE); ACB, SHB, NCB (niêm yết HNX) và VIB, Kienlong

Biểu đồ 12 Diễn biến HNX Index năm 2017



bank, LienVietPostBank (niêm yết trên UPCOM). Bên cạnh đó có một số ngân hàng đã được cấp mã chứng khoán và đang hoàn tất các thủ tục cuối cùng để chào sàn vào đầu năm 2018 như: Techcombank, HDBank, TPBank.

Cũng trong năm 2017, hàng loạt những doanh nghiệp rất lớn chính thức đưa cổ phiếu lên niêm yết và giao dịch tập trung tại thị trường chứng khoán, trong đó không thiếu những cái tên có vốn hóa hơn 1 tỷ USD như: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (HVN), Tập đoàn dệt may Việt Nam (VGT), Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX).

#### Năm của các thương vụ thoái vốn kỷ lục

Năm 2017 ghi dấu những thương vụ thoái vốn nhà nước kỷ lục và thành công. Ngày 18/12, gần hơn 343 triệu cổ phần nhà nước tại Tổng công ty Rượu - Bia - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco), tương đương với hơn 53% cổ phần đã được hai nhà đầu tư mua toàn bộ, trong đó có Công ty TNHH Vietnam Beverage, đơn vị có 49% cổ phần của ThaiBev của Thái Lan. Thương vụ này đã giúp Nhà nước thu về gần 110.000 tỷ đồng. Trước đó, 3,33% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) được đưa ra đấu giá cũng

đã được đấu giá thành công khi có một tập đoàn của Singapore chi ra 8.990 tỷ đồng để mua trọn lô đấu giá này.

Hai phiên đấu giá thành công nêu trên đã chuyển đi một thông điệp: nhà đầu tư nước ngoài đang rất mong chờ những phiên thoái vốn Nhà nước tại nhiều doanh nghiệp lớn trong 2018. Những cái tên sắp tới sẽ là MobiFone, PV Oil, PV Power, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn.

#### Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh

Khoảng 1,2 tỷ USD là giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường niêm yết. Năm 2017, chứng kiến hoạt động giao dịch mạnh mẽ chưa từng thấy trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài, với việc mua ròng gần 26 nghìn tỷ đồng cổ phiếu (năm 2016, khối ngoại bán ròng 6.821 tỷ đồng). Đây là lượng giao dịch ròng trực tiếp thông qua giao dịch hàng ngày lớn nhất lịch sử, vượt xa cả thời kỳ bùng nổ 2007. Tính đến cuối tháng 11/2017, tổng giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh, đạt hơn 31,4 tỷ USD, tăng 81,3% so với cuối năm 2016.

### **Tiếp tục nỗ lực hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường chứng khoán**

UBCKNN và các đơn vị liên quan tiếp tục nỗ lực trong việc hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường, trong đó đặc biệt là công tác chuẩn bị cho Luật Chứng khoán (sửa đổi), Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty và rất nhiều thông tư sửa đổi, bổ sung. Cùng với đó, UBCKNN cũng đã rất tích cực trong việc thực hiện các giải pháp tái cấu trúc TTCK, tái cơ cấu hệ thống công ty chứng khoán, nâng cao chất lượng doanh nghiệp niêm yết.

Trong đó triển khai xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) dự kiến sẽ trình Chính phủ, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2018); hoàn thiện đề án hợp nhất 2 Sở GDCK; tiếp tục các giải pháp tái cơ cấu thị trường, tái cơ cấu tổ chức kinh doanh chứng khoán, nâng cao chất lượng của các công ty niêm yết và chất lượng công tác quản trị công ty.



# DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2018

## **Viễn cảnh kinh tế toàn cầu: Dự báo sẽ tăng trưởng 3,1% năm 2018 nhưng triển vọng tương lai vẫn đáng quan ngại**

Ngày 09/01/2018, Ngân hàng Thế giới dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 sẽ tăng và đạt mức 3,1% tiếp tục thời kỳ tăng trưởng cao hơn dự đoán trong năm 2017 nhờ đầu tư, công nghiệp chế tạo và thương mại đều hồi phục và do các nền kinh tế xuất khẩu nguyên vật liệu được hưởng lợi từ xu thế tăng giá các loại mặt hàng này. Tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống mức 2,2% trong năm 2018 do các ngân hàng trung ương sẽ giảm dần các biện pháp kích cầu sau khủng hoảng và xu thế tăng trưởng đầu tư bị chậm lại. Tăng trưởng tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển dự báo sẽ đạt 4,5% nhờ tăng trưởng tại các nước xuất khẩu nguyên vật liệu.

Năm 2018 sẽ là năm đầu tiên nền kinh tế thế giới hoạt động hết hoặc gần hết công suất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính và dự kiến các hiện tượng trì trệ trong nền kinh tế sẽ không còn nữa. Tuy nhiên, nhiều quan điểm cho rằng đây chỉ là xu thế tăng tốc ngắn hạn. Nếu điều kiện tài chính toàn cầu đột nhiên thắt chặt thì sẽ bóp chết tăng trưởng và rủi ro vẫn thiên về hướng tiêu cực. Bên cạnh đó, leo thang bảo hộ thương mại, gia tăng căng thẳng địa chính trị cũng sẽ kìm hãm niềm tin và tăng trưởng kinh tế. Nhưng ngược lại, một số nền kinh tế lớn vẫn có thể tăng trưởng mạnh hơn dự đoán và yếu tố đó sẽ kéo theo tăng trưởng toàn cầu.

Thị trường tài chính năm 2018 được dự báo là sẽ có những diễn biến phức tạp do các yếu tố sau: (2) Hệ thống tài chính toàn cầu có nguy cơ gặp rủi ro từ khoản nợ toàn cầu cao; (1) Giá các tài sản tài chính quá cao, cao hơn cả những thời điểm khủng hoảng tài chính trước đây gây quan ngại trong giới phân tích về tình trạng bong bóng tài sản tài chính đang diễn ra và đặt khu vực tài chính, kinh tế toàn cầu trước rủi ro cao, đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính ở cấp độ toàn thế giới. Cùng với những rủi ro đang tích lũy trong nội tại nền kinh tế Trung Quốc như tình trạng bất động sản dư thừa nhưng vẫn tăng giá, dẫn tới cầu về tín dụng cao trong thời gian gần đây. Điều này dấy lên nhiều lo ngại sẽ có đổ vỡ ở Trung Quốc trong tương lai không xa và sẽ lan ra

phạm vi toàn cầu.

## **Triển vọng kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn khả quan hơn nhưng rủi ro hiện hữu trong trung hạn**

Theo kỳ vọng lạc quan, nhu cầu trên toàn cầu tiếp tục khôi phục dẫn đến tăng trưởng tốt hơn ở các ngành chế tạo chế biến. Qua đó tăng trưởng GDP có thể tăng cao hơn so với dự báo ban đầu. Nhìn theo hướng ngược lại, một thách thức lớn có thể phát sinh khi các yếu tố kết hợp như năng suất giảm xuống, tốc độ tăng lực lượng lao động và tăng trưởng đầu tư chững lại, có thể khiến cho tốc độ tăng trưởng tiềm năng của Việt Nam yếu đi. Trong trung hạn, một số rủi ro trọng yếu mà nền kinh tế Việt Nam có thể phải đối diện, bao gồm và không giới hạn:

- Rủi ro tài khóa, nhất là liên quan đến chất lượng và tiến độ củng cố tình hình tài khóa, vẫn cần tiếp tục được quan tâm do có thể làm suy giảm đầu tư về hạ tầng và nguồn nhân lực cần có cho tăng trưởng trong tương lai.

- Rủi ro trong khu vực ngân hàng - mặc dù phần nào đã giảm xuống - nhưng vẫn còn đó do các yếu tố như tỷ lệ an toàn vốn tương đối mỏng, nợ xấu chưa được xử lý triệt để, tốc độ tăng trưởng tín dụng cao. Kết hợp lại, các yếu tố đó có thể tạo nguy cơ mất ổn định tài chính trở lại, đặc biệt khi gặp phải các cú sốc về kinh tế.

- Về kinh tế đối ngoại, quan hệ đầu tư và thương mại ràng buộc khiến cho nền kinh tế Việt Nam dễ gặp phải nguy cơ rủi ro trong trường hợp chủ nghĩa bảo hộ được đẩy mạnh, nhu cầu bên ngoài có thể yếu đi trong trường hợp quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu hiện nay bị mất đà. Việt Nam cũng phải chịu nguy cơ do căng thẳng chính trị và địa chính trị tăng cao trên bán đảo Triều Tiên, trong điều kiện đang có quan hệ thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở mức lớn với Hàn Quốc.

- Cuối cùng, điều kiện tài chính trên toàn cầu bị thắt chặt cũng có thể gây áp lực cho cán cân thanh toán do tỷ giá chưa được linh hoạt đầy đủ và tỷ lệ dự trữ ngoại hối còn tương đối thấp.

Những rủi ro trên đòi hỏi phải tiếp tục chú trọng tăng cường khả năng chống chịu về kinh tế vĩ mô và cải cách cơ cấu để

nâng mức tăng trưởng tiềm năng trong trung hạn. Khả năng chống chịu về kinh tế vĩ mô có thể được tăng cường qua quá trình cải thiện tính linh hoạt về quản lý tỷ giá, tiếp tục bổ sung dự trữ ngoại hối, củng cố tình hình tài khóa, áp dụng chính sách tiền tệ và chính sách cẩn trọng vĩ mô phù hợp nhằm tiết chế tăng trưởng tín dụng và nâng cao tỷ lệ an toàn vốn trong khu vực ngân hàng. Về chính sách tài khóa, hiện đang có nhu cầu tiếp tục tăng cường chiều sâu cải cách thu và chi nhằm nâng cao hiệu suất thực chất, bao gồm mở rộng cơ sở tính thu từ thuế, tăng cường quản lý thuế, hợp lý hóa bộ máy hành chính công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong đầu tư công và trong đấu thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ. Các biện pháp nhằm củng cố ổn định kinh tế vĩ mô cần được song hành với những tiến triển trong cải cách cơ cấu nhằm nâng cao năng suất và tốc độ tăng trưởng tiềm năng, bao gồm cả biện pháp về cải cách khu vực DNNN, cải thiện môi trường pháp quy và tăng cường thị trường các yếu tố sản xuất, bao gồm thị trường vốn và đất đai.

#### **TTCK Việt Nam năm 2018 chờ đợi sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn nhờ vào niềm tin của một chính phủ hành động và đà tăng trưởng mạnh mẽ của năm 2017**

Năm 2018 được kỳ vọng là năm nền kinh tế tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng cao khi Chính phủ chủ trương tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước. Đây sẽ là những nhân tố giúp thúc đẩy thị trường chứng khoán tăng trưởng nhanh và sôi động hơn. Những lý do trọng yếu để có thể kỳ vọng như:

- Kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng cao và ổn định của nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là các chỉ tiêu về kinh tế vĩ mô có sự thay đổi tích cực và rõ ràng.
- 2018 tiếp tục là năm cao điểm trong tiến trình tái cơ cấu, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước với các thương vụ lớn. Trong đó có nhiều thương vụ vẫn chưa thể hoàn thành trong năm 2017 sẽ chuyển sang năm 2018.
- Lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục tăng trưởng tốt là điểm tựa để thị trường tiếp tục xu hướng tăng.
- Dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) dự kiến sẽ trình Chính

phủ, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2018). Bên cạnh đó, các thông tư, nghị định gần đây của Chính phủ về cổ phần hóa, thoái vốn cũng là điểm tích cực đáng chú ý.

- Tương lai cho TTCK Việt Nam là kỳ vọng vấn đề thăng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo chuẩn phân loại của MSCI. Câu chuyện này được nhắc lại ngày một nhiều, nhất là trong năm 2017 khi thị trường thu hút một lượng vốn đầu tư từ nước ngoài khổng lồ.

Bên cạnh kỳ vọng tích cực cho thị trường năm 2018 với nhiều cơ hội cho nhà đầu tư nhưng vẫn có những rủi ro nhất định. Cho dù chưa thấy rủi ro nào thực sự quá lớn để đảo chiều hoàn toàn xu thế của Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong năm 2018 nhưng có thể phải lưu ý:

- Rủi ro từ các vụ việc xử lý các sai phạm quản lý doanh nghiệp nhà nước. Trong năm 2017, khi Chính phủ đẩy mạnh việc xử lý sai phạm tại nhiều ngân hàng, tập đoàn lớn như PVN thì thị trường vẫn không có phản ứng tiêu cực. Trong giai đoạn thị trường tăng trưởng thì tâm lý rất tốt và có thể không bị tác động bởi những sự kiện này. Tuy nhiên, nếu những sự kiện này diễn ra trong giai đoạn thị trường điều chỉnh tác động tiêu cực được đánh giá là khá lớn.

- Sự trì trệ của hoạt động thoái vốn nhà nước, niêm yết nhà nước cũng có thể trở thành một yếu tố kém thuận lợi cho thị trường.

- Biên độ dao động trong phiên đang tăng. Chênh lệch giữa mức cao nhất và thấp nhất phiên ngày một mạnh, tăng dần trong giai đoạn 2 quý cuối năm 2017 và đang ở ngay mức bình quân 1,3% kể từ năm 2010. Quan sát biến động trong quá khứ, khi độ biến động này tăng lên mức cao như vậy thì mức sinh lợi sẽ sụt giảm trong trong vài quý kế tiếp và thậm chí bị âm.

- Những biến động địa – chính trị trong khu vực và quốc tế cũng có thể tác động đến thị trường. Một vài sự kiện tiêu biểu có thể kể đến như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; căng thẳng bán đảo Triều Tiên; căng thẳng leo thang ở Syria; bong bóng Bitcoin. Những sự kiện này hoặc tác động thẳng vào tâm lý nhà đầu tư, hoặc tác động vào vĩ mô của Việt Nam như tỷ giá, cán cân thương mại.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

## TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2017

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Tổng tài sản	428.016.881.837	412.583.715.658	420.076.696.572
Vốn điều lệ	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	380.638.212.710	355.886.925.336	364.494.612.087
	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Doanh thu thuần	63.652.462.389	72.720.616.435	56.796.587.873
Lợi nhuận gộp từ hoạt động	23.081.546.417	(15.605.482.582)	20.027.230.847
Lợi nhuận kinh doanh	8.076.118.087	(26.158.133.173)	9.293.527.131
Lợi nhuận trước thuế		(24.751.287.374)	8.607.686.751
	<i>Đơn vị tính: %</i>	<i>Đơn vị tính: %</i>	<i>Đơn vị tính: %</i>
<b>CHỈ TIÊU KHÁC</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	78.05	91.09	76.21
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	21.95	8.91	23.79
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	11.07	13.74	13.23
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	88.93	86.26	86.77
	<i>Đơn vị tính: %</i>	<i>Đơn vị tính: %</i>	<i>Đơn vị tính: %</i>
<b>TỶ SUẤT LỢI NHUẬN</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	13.51	-34.04	15.16
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2.01	-5.99	2.05
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	2.15	-6.19	2.15
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	2.26	-6.95	2.36



# TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau hơn 10 năm hoạt động ở thị trường, BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp - có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Trong đó, đặc biệt là dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và môi giới đã tạo cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng và gắn bó chặt chẽ với công ty.

## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

### Môi giới

- Môi giới chứng khoán niêm yết/OTC.
- Môi giới/đầu thầu trái phiếu niêm yết/chưa niêm yết.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tìm nguồn/thực hiện các giao dịch thỏa thuận.
- Dịch vụ báo giá cổ phiếu OTC.
- Quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu chưa niêm yết.

### Lưu ký

- Quản lý tiền và chứng khoán.
- Lưu ký và chuyển khoản chứng khoán.
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.
- Phong tỏa và giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu.
- Rút chứng khoán.
- Chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.

### Hỗ trợ vốn

- Giao dịch ký quỹ.
- Ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Cầm cố chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.
- Repo cổ phiếu.
- Repo trái phiếu chưa niêm yết.
- Thực hiện quyền, cổ tức và các thông tin có liên quan đến giao dịch ký quỹ.

### IPO

- Đại lý đấu giá IPO.
- Tổ chức đấu giá tại công ty.
- Bảo lãnh phát hành.
- Dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần.
- Ủy thác đấu giá mua chứng khoán phát hành lần đầu.

### Hỗ trợ giao dịch

- Dịch vụ đặt lệnh qua điện thoại (B-Mobile), trực tuyến (B-Pro, B-Web) nhanh chóng, tiện lợi, an toàn.
- Tra cứu số dư tài khoản trực tuyến, tra cứu thông tin quyền.
- Chuyển tiền, chứng khoán trực tuyến.
- Ứng trước trực tuyến.
- Đăng ký mua quyền trực tuyến.
- Thay đổi thông tin trực tuyến.
- Quản lý danh mục đầu tư hàng ngày.
- Tư vấn hỗ trợ khách hàng qua điện thoại.
- Thông báo kết quả khớp lệnh qua Email, SMS. Thông báo SMS về biến động số dư tiền, các thông tin về quyền.
- Cập nhật thông tin thị trường bằng bản tin hàng ngày và báo cáo phân tích của công ty.

### Báo cáo phân tích thị trường, chứng khoán

- Báo cáo phân tích định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng quý và báo cáo năm.
- Báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích vĩ mô và báo cáo tư vấn chiến lược đầu tư.

### Dịch vụ khác

- Tổ chức các buổi hội thảo đầu tư, hội thảo chuyên đề.
- Tổ chức các chuyến tham quan tìm hiểu doanh nghiệp.

“

Sau gần 10 năm hoạt động và phát triển, BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp - có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán.

”

## **DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

Với đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm về thị trường tài chính, luật, kế toán, kiểm toán, thẩm định giá cùng sự hiểu biết sâu sắc và hệ thống pháp luật Việt Nam. BSI luôn đưa ra các giải pháp tài chính tốt nhất cho những khách hàng được chúng tôi cung cấp các dịch vụ tư vấn. Bên cạnh đó, bằng các biên bản ghi nhớ về hợp tác chiến lược, chúng tôi đã hợp tác với các công ty kiểm toán, công ty thẩm định giá, công ty tư vấn luật nhằm hỗ trợ, đáp ứng kịp thời và thỏa mãn các yêu cầu phát sinh đa dạng của khách hàng.

### **Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp**

**Tư vấn niêm yết chứng khoán:** BSI cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán, nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện nhu cầu niêm yết lần đầu hoặc niêm yết bổ sung chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung.

**Tư vấn cổ phần hóa:** BSI đồng hành cùng khách hàng để hoàn thành lộ trình cổ phần hóa theo quy định hiện hành với những nội dung tư vấn chủ yếu sau: Xác định giá trị doanh nghiệp; Lập phương án cổ phần hóa; Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng; Tổ chức đại hội cổ đông lần đầu; Thành lập công ty cổ phần và những nội dung liên quan khác.

**Tư vấn phát hành chứng khoán:** BSI tư vấn các giải pháp và hình thức phát hành chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) bao gồm: phát hành riêng lẻ, phát hành lần đầu ra công chúng (IPO), phát hành thêm nhằm đáp ứng các nhu cầu về

vốn của khách hàng.

**Bảo lãnh phát hành chứng khoán:** BSI có năng lực và được phép thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán nhằm đảm bảo sự thành công của đợt phát hành, đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp.

**Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp:** BSI thực hiện việc đánh giá toàn bộ hoạt động tài chính và xây dựng các biện pháp tối ưu để lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Tư vấn mua bán và sáp nhập:** BSI đóng vai trò là tổ chức tài chính trung gian và là cầu nối giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. BSI tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn thời điểm thực hiện việc mua/bán doanh nghiệp và là nhà tư vấn cho bên bán hoặc bên mua để thực hiện chiến lược của mình.

**Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp:** BSI tư vấn cho các khách hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài tiến hành các thủ tục cần thiết để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nhằm giúp doanh nghiệp hoạch định được mô hình phát triển và lộ trình phát triển hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Tư vấn thoái vốn nhà nước:** BSI thực hiện nghiệp vụ tư vấn cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thoái vốn đầu tư tại các công ty ngoài ngành theo chủ trương của chính phủ theo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

# THÀNH TỰU KHÁC

Qua hơn 10 năm hoạt động, BSI đã ngày một nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phân tích để cung cấp theo yêu cầu cho nhà đầu tư. Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích này được phản hồi tích cực và nhận được sự đánh giá cao từ khách hàng. Các sản phẩm phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động Phòng Môi giới trong việc cung cấp những thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho nhà đầu tư.

Việc triển khai thành công các hợp đồng tư vấn có sự góp sức rất lớn từ đội ngũ chuyên gia phân tích – từ việc thu thập và đánh giá thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động đến tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn. Từ đó, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian trong quy trình tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Hiện nay BSI cung cấp hầu như đầy đủ các sản phẩm phân tích, hoàn thiện báo cáo phân tích, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như cá nhân nhằm đem lại giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của BSI.

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm: Thẩm định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại, tác quyền; Thẩm định giá bất động sản;... Hiện nay, BSI đang áp dụng các phương pháp định giá tiên tiến trên thế giới và được nhiều quốc gia

chấp nhận và đặc biệt phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

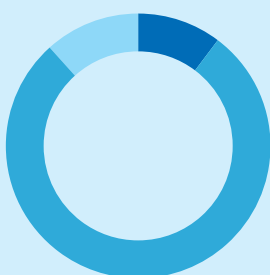
Ngoài ra trong dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai; Các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; Lập dự báo dòng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; Lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp.



# TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

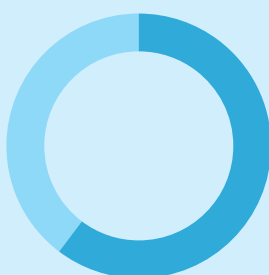
Tính đến cuối năm 2015, BSI có 38 Cán bộ nhân viên đang công tác. Trong đó:

Trình độ



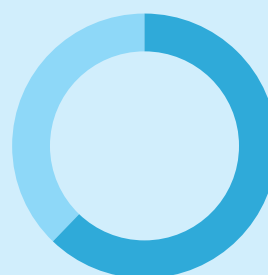
- Trên Đại học: 11% (04 CBNV)
- Đại học: 74% (28 CBNV)
- Dưới Đại học: 16% (06 CBNV)

Giới tính



- Nam: 61% (23 CBNV)
- Nữ: 39% (15 CBNV)

Biên chế lao động



- Không xác định thời hạn: 68 % (26 CBNV)
- Xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm: 32% (12 CBNV)
- Thời vụ: Không có

## CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các Quy định chung về chi trả lương, không có bất kỳ phân nân nào liên quan, tất cả CBNV đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, thưởng vào các ngày Lễ lớn trong năm (30/4, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán) bằng tiền hoặc hiện vật cụ thể. Ngoài ra, BSI còn hỗ trợ CBNV về các chế độ như trợ cấp bữa ăn giữa ca, đồng phục hàng năm, tham quan du lịch nghỉ mát, tổ chức sinh nhật và các buổi giao lưu tập thể, tổ chức thăm hỏi đối với các sự kiện liên quan đến cá nhân, gia đình của CBNV cùng một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì thế luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển cá nhân, khen thưởng nhằm động viên khích lệ CBNV kịp thời.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2018



## **MỤC TIÊU**

Công ty kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

## **ĐỊNH HƯỚNG**

TTCK Việt Nam được dự báo dự báo sẽ cải thiện về cả lượng và chất trong năm 2018, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư - triển vọng dài hạn là tích cực. Tuy nhiên, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ bị tổn thương của hệ thống tài chính - ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để đạt mục tiêu, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty, hướng đến xây dựng một đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.

Năm 2018, sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực của công ty để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Bên cạnh đó, chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra; tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn tất cả nhu cầu của khách hàng.

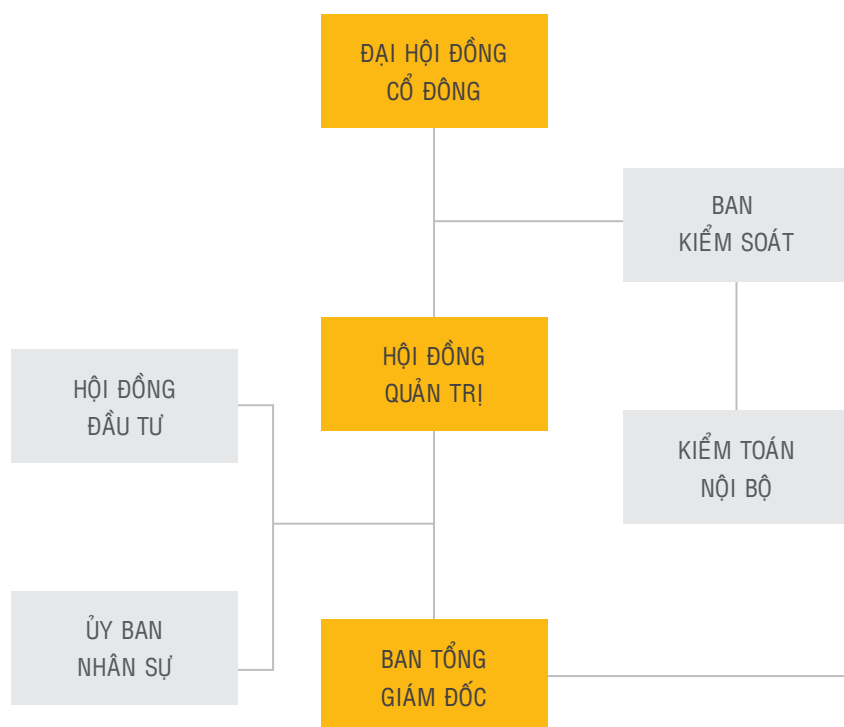


## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2018

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018
1	Doanh thu	56.796.587.873	80.000.000.000
2	Chi phí	48.188.901.122	66.000.000.000
3	Lợi nhuận	8.607.686.751	14.000.000.000



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện.

Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuân thủ, Quản trị.

PHÒNG  
MÔI GIỚI

PHÒNG  
GIAO DỊCH

PHÒNG DỊCH VỤ  
TÀI CHÍNH

PHÒNG OTC  
& QLCĐ

PHÒNG  
MARKETING

PHÒNG  
NGUỒN VỐN

PHÒNG  
ĐẦU TƯ

PHÒNG  
PHÂN TÍCH

PHÒNG TƯ VẤN  
TCDN & BẢO LÃNH

PHÒNG KẾ HOẠCH  
TỔNG HỢP

PHÒNG  
PHÁP CHẾ

PHÒNG KIỂM TRA  
KIỂM SOÁT NỘI BỘ

PHÒNG TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

PHÒNG  
LƯU KÝ

PHÒNG CÔNG NGHỆ  
THÔNG TIN

PHÒNG HÀNH CHÍNH  
NHÂN SỰ

CHI NHÁNH,  
PHÒNG GIAO DỊCH,  
VĂN PHÒNG  
ĐẠI DIỆN

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG NGUYỄN VĂN CỰU**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cựu tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



**BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



**ÔNG HUỖNH VĂN TỐT**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

# BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN**  
Trưởng ban



**ÔNG TÔN THẤT LÂM KHÁNH**  
Thành viên



**BÀ NGUYỄN THỊ HẢI**  
Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vủa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG HUỖNH VĂN TỐT**  
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



**BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



**BÀ TRẦN THỊ BÔNG**  
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/10/2017

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/10/2017 là Ông Nguyễn Hữu Trường. Kế toán trưởng của Công ty từ ngày 11/10/2017 đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đinh Tuyết Mai.

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

### **CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị



**NGUYỄN VĂN CỨ**  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**HUYỀN VĂN TỐT**  
Tổng Giám đốc



Số: /2018/UHYHCM-BCKTDL

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán, số dư của khoản mục đầu tư dài hạn khác (Mã số 212.4) với số tiền là 22.315.625.000 đồng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với các bên có liên quan. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá khoản mục đầu tư này cũng như những ảnh hưởng có liên quan đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2017, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là 37.315.625.000 đồng với giá trị dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn là 8.511.380.715 đồng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2016. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2017 của các bên nhận đầu tư. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập trong năm 2017 theo quy định. Đồng thời, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề khác**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Vấn đề khác nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1828-2018-112-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320.143.690.550</b>	<b>302.079.666.192</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>319.915.640.661</b>	<b>293.413.712.212</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	199.152.711.842	9.832.647.754
Tiền	111.1		155.152.711.842	9.832.647.754
Các khoản tương đương tiền	111.2		44.000.000.000	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	74.127.703.340	63.189.684.946
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	-	30.000.000.000
Các khoản cho vay	114	7.3	12.830.713.359	33.209.461.943
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.5	(2.263.043.947)	(3.218.633.292)
Các khoản phải thu	117	8	110.106.515	1.119.807.359
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	117.4	8	110.106.515	1.119.807.359
Trả trước cho người bán	118	8	35.236.798.125	10.238.852.750
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	719.896.415	841.890.752
Các khoản phải thu khác	122	8	28.079.848.462	176.279.093.450
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(28.079.093.450)	(28.079.093.450)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>228.049.889</b>	<b>8.665.953.980</b>
Tạm ứng	131	10	60.000.000	8.507.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	165.049.889	158.953.980
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	12	3.000.000	-

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2017</b> VND	<b>Tại 01/01/2017</b> VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>99.933.006.022</b>	<b>110.504.049.466</b>
<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.076.026.859</b>	<b>73.735.384.701</b>
Các khoản đầu tư	212	13	74.455.125.000	74.455.125.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4	13.1	74.455.125.000	74.455.125.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	13.2	(9.379.098.141)	(719.740.299)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.703.135.255</b>	<b>7.601.269.811</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.425.402.755	3.723.709.811
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>14.120.677.286</i>	<i>21.569.151.117</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(11.695.274.531)</i>	<i>(17.845.441.306)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.277.732.500	3.877.560.000
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>9.248.520.821</i>	<i>9.361.920.821</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(5.970.788.321)</i>	<i>(5.484.360.821)</i>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>29.153.843.908</b>	<b>29.167.394.954</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	25.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	408.599.896	521.743.898
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	3.745.244.012	3.645.651.056
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>420.076.696.572</b>	<b>412.583.715.658</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>55.582.084.485</b>	<b>56.696.790.322</b>
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.582.084.485</b>	<b>56.696.790.322</b>
Vay ngắn hạn	312	17	54.000.000.000	55.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	111.656.149	156.309.688
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	-	84.500.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		81.400.000	66.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	50.945.737	204.988.230
Phải trả người lao động	323		994.363.363	781.447.760
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		87.730.062	94.496.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	94.980.823	92.952.995
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	12.386.461	9.372.897
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		148.621.890	206.721.890

<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>364.494.612.087</b>	<b>355.886.925.336</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>364.494.612.087</b>	<b>355.886.925.336</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(37.949.659.170)	(46.557.345.921)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện</b>	<b>417.1</b>		<b>(28.744.789.564)</b>	<b>(15.045.567.399)</b>
<b>Lợi nhuận chưa thực hiện</b>	<b>417.2</b>		<b>(9.204.869.606)</b>	<b>(31.511.778.522)</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>420.076.696.572</b>	<b>412.583.715.658</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ</b>				
<b>THEO CAM KẾT</b>				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	24	1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	25	57.014.690.000	64.186.230.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	26	40.000	2.118.320.000

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư</b>	<b>021</b>	<b>27</b>	<b>1.996.031.110.000</b>	<b>2.084.216.980.000</b>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		430.792.660.000	340.623.400.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.647.000.000	126.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.084.781.160.000	1.303.802.810.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		476.579.090.000	434.468.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		2.231.200.000	5.195.800.000
<b>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư</b>	<b>022</b>	<b>28</b>	<b>14.513.810.000</b>	<b>82.770.630.000</b>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		14.513.810.000	40.660.510.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	42.110.120.000
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>026</b>	<b>29</b>	<b>7.358.415.204</b>	<b>46.286.557.861</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		4.471.712.704	2.584.898.061
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		2.886.702.500	43.701.652.800
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	43.701.652.800
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	30	-	7.000



<b>Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>031</b>	<b>31</b>	<b>4.471.712.704</b>	<b>2.584.898.061</b>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.468.551.137	2.581.649.903
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.161.567	3.248.158
<b>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>	<b>035</b>		-	<b>7.000</b>
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>		<b>31</b>	<b>2.886.702.500</b>	<b>43.701.652.800</b>
Nhà đầu tư trong nước			2.886.702.500	43.701.652.800



**HUYỀN VĂN TỐT**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Đinh Tuyết Mai**  
 Kế toán trưởng

**ĐỖ THỊ THANH HOA**  
 Người lập biểu

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2017 VND	NĂM 2016 VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		43.689.532.558	22.018.937.665
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	35	551.099.478	2.572.352.152
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	36	42.940.596.574	18.567.969.747
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC FVTPL	01.3	37	197.836.506	878.615.766
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	37	92.083.334	1.783.261.111
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	37	493.862.032	3.716.380.308
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	38	975.391.303	1.480.931.562
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	38	404.318.284	724.828.808
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	38	315.000.000	1.271.180.094
Thu nhập hoạt động khác	11	38	10.513.343.519	41.382.511.839
<b>CỘNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			<b>56.483.531.030</b>	<b>72.378.031.387</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	36	20.633.687.658	38.241.514.240
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(955.589.345)	2.749.800.692
Chi phí hoạt động tự doanh	26		479.666.665	523.333.335
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	39	1.560.395.800	2.279.126.420
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	39	1.063.812.238	1.234.659.746
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	39	582.512.278	785.851.209
Chi phí các dịch vụ khác	32	39	1.364.493	1.049.814
<b>CỘNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>40</b>		<b>23.365.849.787</b>	<b>45.815.335.456</b>

<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42		313.056.843	342.585.048
<b>CỘNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>50</b>		<b>313.056.843</b>	<b>342.585.048</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Chi phí lãi vay	52		4.744.149.397	32.610.763.561
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		8.659.357.842	-
Chi phí tài chính khác	55		-	9.900.000.000
<b>CỘNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>60</b>		<b>13.403.507.239</b>	<b>42.510.763.561</b>
<b>Chi phí quản lý công ty chứng khoán</b>	<b>62</b>		<b>10.733.703.716</b>	<b>10.552.650.591</b>
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>9.293.527.131</b>	<b>(26.158.133.173)</b>
Thu nhập khác	71		-	1.495.562.000
Chi phí khác	72		685.840.380	88.716.201
<b>CỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>	<b>80</b>		<b>(685.840.380)</b>	<b>1.406.845.799</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>8.607.686.751</b>	<b>(24.751.287.374)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(13.699.222.165)	(5.077.742.881)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		22.306.908.916	(19.673.544.493)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>	<b>34</b>	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>8.607.686.751</b>	<b>(24.751.287.374)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		215	(619)



**HUYỀN VĂN TỐT**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Đinh Tuyết Mai**  
 Kế toán trưởng

**ĐỖ THỊ THANH HOA**  
 Người lập biểu

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2017 VND	NĂM 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(238.933.564.181)	(434.108.721.534)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		301.324.386.099	443.530.874.683
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(90.972.506)	(252.012.153)
Cổ tức đã nhận	04		150.780.950	490.449.100
Tiền lãi đã thu	05		1.714.070.755	5.214.791.655
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(4.742.121.569)	(42.483.110.566)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.293.636.939)	(585.533.931)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(5.141.872.134)	(5.425.459.308)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(762.121.378)	(710.613.276)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		432.251.749.418	2.513.429.584.048
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(294.206.634.427)	(2.493.565.847.206)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>190.270.064.088</b>	<b>(14.465.598.488)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(3.305.920.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		50.000.000	146.480.947
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>50.000.000</b>	<b>(3.159.439.053)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay gốc	33		109.758.516.574	353.859.485.531
Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
Tiền vay khác	33.2		109.758.516.574	353.859.485.531
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(110.758.516.574)	(334.859.485.531)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(110.758.516.574)	(334.859.485.531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.000.000.000)</b>	<b>19.000.000.000</b>
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>189.320.064.088</b>	<b>1.374.962.459</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>				
Tiền	61		9.832.647.754	8.457.685.295
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>199.152.711.842</b>	<b>9.832.647.754</b>
Tiền	71	5	155.152.711.842	9.832.647.754
Các khoản tương đương tiền	72	5	44.000.000.000	-

## PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2017 VND	NĂM 2016 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		507.501.087.482	470.449.204.989
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(294.501.078.982)	(499.327.396.076)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		408.864.243.066	783.912.424.209
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(660.388.068.939)	(715.697.330.372)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(404.318.284)	(724.828.808)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		8.148.730.496	9.091.629.888
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(8.148.737.496)	(9.096.066.388)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>(38.928.142.657)</b>	<b>38.607.637.442</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>46.286.557.861</b>	<b>7.678.920.419</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng đầu năm:</i>	31		46.286.557.861	7.678.920.419
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.584.898.061	5.601.078.919
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		43.701.652.800	2.073.398.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		7.000	4.443.500
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>7.358.415.204</b>	<b>46.286.557.861</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng cuối năm:</i>	41		7.358.415.204	2.584.898.061
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		4.471.712.704	-
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-2.886.702.500	43.701.652.800
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	7.000
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



**HUYNH VĂN TỐT**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Đinh Tuyết Mai**  
 Kế toán trưởng

**ĐỖ THỊ THANH HOA**  
 Người lập biểu



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1 Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

### 1.2 Địa chỉ liên hệ

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

### 1.3 Điều lệ công ty

Điều lệ Công ty ban hành lần đầu ngày 10/05/2007 và được sửa đổi thay thế ngày 27/05/2013.

### 1.4 Những đặc điểm chính về hoạt động kinh doanh

#### Quy mô vốn

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 là 400.000.000.000 đồng.

#### Mục tiêu đầu tư

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### Hạn chế đầu tư

Theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án



kinh doanh;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

+ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

+ Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

+ Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

### **Cấu trúc Công ty**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

### **1.6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn

đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty và đặc biệt là các quy định ban hành của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

## **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được

phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC đưa ra các quy định, nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016, riêng các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã cho phép ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản và nợ phải trả

mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Năm 2016, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVPTL) được Công ty phản ánh theo giá trị hợp lý đối với các tài sản có giá thị trường giảm so với giá gốc. Từ ngày 01/01/2017, giá trị các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý theo quy định.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

#### **3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

#### **3.4 Năm tài chính**

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng

01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền hiện có của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo, gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK, tiền mặt tại quỹ của CTCK, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của CTCK và các khoản tương đương tiền (nếu có).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4.2 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính**

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

###### **4.2.1 Nguyên tắc phân loại tstc và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của công ty chứng khoán**

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL 04

phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty

có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).

- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và

- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá

mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

+ Hợp đồng giao dịch ký quỹ

+ Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

#### **4.2.2 Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá trị thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn và

trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2017.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 đã cho phép ghi nhận theo nguyên tắc giá trị hợp lý: các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Theo đó, căn cứ quy định tại Thông tư số 210 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02

của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại cao hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 895.684.238 đồng và giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại thấp hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 10.100.553.844 đồng. Phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, cụ thể như sau: Theo quy định, cuối tháng chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chi tiêu chi tiết “chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL năm 2017 là 42.940.596.574 đồng.

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chi tiêu chi tiết “chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL năm 2017 là 20.633.687.658 đồng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán). Số chênh lệch tăng, giảm do đánh giá lại của từng loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK không bù trừ giữa các tài sản tài chính.

#### **4.3 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các

khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang

làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

#### **4.5 Đầu tư dài hạn khác và dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng

khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.

- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư.

#### **4.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 – 5

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC:** Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC:** tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự 4.11

phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

#### 4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 4.10 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ
Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội cổ đồng.		

#### **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

#### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Là khoản phí môi giới CTCK được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho CTCK khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu

tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

#### ***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Cơ sở ghi nhận giảm số lượng và giá trị các tài sản tài chính bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện và nhận được Thông báo kết quả bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) hoặc (Đối với chứng khoán niêm yết) hoặc của Tổ chức bù trừ và thanh toán được ủy nhiệm (Đối với chứng khoán chưa niêm yết mà CTCK được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành). Khi đó chứng khoán được xác định chuyển quyền sở hữu và việc nghĩa vụ thanh toán chứng khoán được thực hiện. Doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (Được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch).

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Trong đó:

- Chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập;
- Chênh lệch lỗ được ghi nhận vào TK 632 - Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh.

Về thời điểm ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện doanh thu bán các tài sản tài chính là ngày T+x (Bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán và không qua Sở Giao dịch chứng khoán). Công ty chứng khoán có thể ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+0 ngày khớp lệnh giao dịch mua, bán các tài sản tài chính (Trường hợp mua bán các TSTC trên Sở Giao dịch chứng khoán).



### ***Doanh thu từ vốn đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

### ***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

### ***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### **4.13 Ghi nhận chi phí**

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh lý

trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **4.15 Các bên liên quan**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ

và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

#### **4.16 Báo cáo bộ phận**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

#### **4.17 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ

thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

#### **RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp

các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

#### ***Độ nhạy lãi suất***

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

#### ***Rủi ro về giá cổ phần***

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

#### ***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 là 74.127.703.340 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty; tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số thị trường.

#### **RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### ***Đầu tư chứng khoán nợ***

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài

chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### ***Phải thu khách hàng***

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết Minh số 5. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

#### **RỦI RO THANH KHOẢN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tiền</b>	<b>155.152.711.842</b>	<b>9.832.647.754</b>
Tiền mặt	8.244.372.040	339.391.358
Tiền gửi ngân hàng	146.908.339.802	9.493.256.396
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>44.000.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	44.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>199.152.711.842</b>	<b>9.832.647.754</b>

**GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>949.000</b>	<b>12.175.990.000</b>
- Cổ phiếu	949.000	12.175.990.000
- Trái phiếu	-	-
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>49.905.814</b>	<b>613.917.318.000</b>
- Cổ phiếu	49.905.814	613.917.318.000
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>50.854.814</b>	<b>626.093.308.000</b>

## CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>83.332.572.946</b>	<b>74.127.703.340</b>	<b>94.701.463.468</b>	<b>63.189.684.946</b>
DPM	4.423.500.000	3.225.000.000	4.423.500.000	3.352.500.000
EIB (*)	26.836.936.647	27.727.142.850	38.205.827.169	28.087.821.000
STB	52.062.688.361	43.163.008.650	52.062.688.361	31.742.446.050
Cổ phiếu lẻ khác	9.447.938	12.551.840	9.447.938	6.917.896
<b>Cộng</b>	<b>83.332.572.946</b>	<b>74.127.703.340</b>	<b>94.701.463.468</b>	<b>63.189.684.946</b>

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Tài sản HTM	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>

**CÁC KHOẢN CHO VAY**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	10.769.277.276	8.506.233.329	31.027.753.406	27.809.120.114
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	2.061.436.083	2.061.436.083	2.181.708.537	2.181.708.537
<b>Cộng</b>	<b>12.830.713.359</b>	<b>10.567.669.412</b>	<b>33.209.461.943</b>	<b>29.990.828.651</b>

(\*) Giá trị hợp lý các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

**TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Tại 31/12/2017

Các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
<b>Tài sản FVTPL</b>	<b>83.332.572.946</b>	<b>74.127.703.340</b>	<b>895.684.238</b>	<b>10.100.553.844</b>
Cổ phiếu niêm yết	83.332.572.946	74.127.703.340	895.684.238	10.100.553.844
DPM	4.423.500.000	3.225.000.000	-	1.198.500.000
EIB	26.836.936.647	27.727.142.850	890.206.203	-
STB	52.062.688.361	43.163.008.650	-	8.899.679.711
Cổ phiếu khác	9.447.938	12.551.840	5.478.035	2.374.133
<b>Tài sản AFS</b>	-	-	-	-
<b>Tài sản HTM</b>	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>	<b>12.830.713.359</b>	<b>10.567.669.412</b>	-	<b>2.263.043.947</b>
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	10.769.277.276	8.506.233.329	-	2.263.043.947
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	2.061.436.083	2.061.436.083	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.163.286.305</b>	<b>84.695.372.752</b>	<b>895.684.238</b>	<b>12.363.597.791</b>

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Tại 01/01/2017

Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại năm nay		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>74.127.703.340</b>	<b>94.701.463.468</b>	<b>63.193.163.350</b>	<b>3.478.404</b>	<b>31.511.778.522</b>	<b>63.189.684.946</b>
74.127.703.340	94.701.463.468	63.193.163.350	3.478.404	31.511.778.522	63.189.684.946
3.225.000.000	4.423.500.000	3.352.500.000	-	1.071.000.000	3.352.500.000
27.727.142.850	38.205.827.169	28.087.821.000	-	10.118.006.169	28.087.821.000
43.163.008.650	52.062.688.361	31.742.446.050	-	20.320.242.311	31.742.446.050
12.551.840	9.447.938	10.396.300	3.478.404	2.530.042	6.917.896
-	-	-	-	-	-
-	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>
-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
<b>10.567.669.412</b>	<b>33.209.461.943</b>	<b>29.990.828.651</b>	-	<b>3.218.633.292</b>	<b>29.990.828.651</b>
8.506.233.329	31.027.753.406	27.809.120.114	-	3.218.633.292	27.809.120.114
2.061.436.083	2.181.708.537	2.181.708.537	-	-	2.181.708.537
<b>84.695.372.752</b>	<b>157.910.925.411</b>	<b>123.183.992.001</b>	<b>3.478.404</b>	<b>34.730.411.814</b>	<b>123.180.513.597</b>



**DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2017				Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2016	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Giá trị lập dự phòng		
<b>Các khoản cho vay</b>		<b>7.180.402.647</b>	<b>4.917.358.700</b>	<b>(2.263.043.947)</b>	<b>(3.218.633.292)</b>	<b>(955.589.345)</b>
Cho vay Margin		7.180.402.647	4.917.358.700	(2.263.043.947)	(3.218.633.292)	(955.589.345)
Đỗ Đức Tâm	273.200	1.769.655.397	573.720.000	(1.195.935.397)	(1.168.615.397)	27.320.000
Huyền Nguyên Vũ	948.036	5.410.747.250	4.343.638.700	(1.067.108.550)	(2.050.017.895)	(982.909.345)
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán		-	-	-	-	-
<b>CỘNG</b>		<b>7.180.402.647</b>	<b>4.917.358.700</b>	<b>(2.263.043.947)</b>	<b>(3.218.633.292)</b>	<b>(955.589.345)</b>

**DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính</b>	<b>2.263.043.947</b>	<b>3.218.633.292</b>
Các khoản cho vay	2.263.043.947	3.218.633.292
<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.263.043.947</b>	<b>3.218.633.292</b>

## CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	<b>110.106.515</b>	<b>1.119.807.359</b>
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	47.055.556	904.583.333
Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	63.050.959	215.224.026
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>35.236.798.125</b>	<b>10.238.852.750</b>
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	-	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	35.000.000.000	-
Nhà cung cấp khác	236.798.125	238.852.750
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>719.896.415</b>	<b>841.890.752</b>
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	715.000.000	833.750.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.896.415	8.140.752
<b>Phải thu khác</b>	<b>28.079.848.462</b>	<b>176.279.093.450</b>
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	-	148.200.000.000
Thuế TNCN phải trả nhân viên khi quyết toán	755.012	-
Các khoản phải thu khác (**)	28.079.093.450	28.079.093.450
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>28.079.093.450</i>	<i>28.079.093.450</i>
<b>CỘNG</b>	<b>64.146.649.517</b>	<b>188.479.644.311</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã tất toán số dư ủy thác cho các cá nhân đầu tư chứng khoán với số tiền đầu tư 148.200.000.000 đồng. Số dư này liên quan đến việc Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư, trong đó Công ty cung cấp vốn và hưởng lãi suất cố định với tài sản đảm bảo là cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín).

(\*\*) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

**DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	TẠI 31/12/2017			Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
		Tại 01/01/2017	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm		
<b>Dự phòng phải thu khác khó đòi</b>	<b>28.079.093.450</b>	<b>28.079.093.450</b>	-	-	<b>28.079.093.450</b>	<b>28.079.093.450</b>
Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-	-	3.061.955.000	3.061.955.000
Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-	-	1.488.510.000	1.488.510.000
Đình Thị Hoa	218.067.400	218.067.400	-	-	218.067.400	218.067.400
Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-	-	4.392.600.000	4.392.600.000
Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-	-	446.000.000	446.000.000
Nguyễn Văn Tiếp	6.921.706.000	6.921.706.000	-	-	6.921.706.000	6.921.706.000
Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-	-	3.356.331.500	3.356.331.500
Đỗ Trọng Thắng	3.006.378.000	3.006.378.000	-	-	3.006.378.000	3.006.378.000
Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-	-	1.751.210.000	1.751.210.000
Cty CP TM Hùng Cường	2.950.000.000	2.950.000.000	-	-	2.950.000.000	2.950.000.000
Ngô Quang Trung	76.500.000	76.500.000	-	-	76.500.000	76.500.000
Trầm Thuyết Kiều	409.835.550	409.835.550	-	-	409.835.550	409.835.550
<b>CỘNG</b>	<b>28.079.093.450</b>	<b>28.079.093.450</b>	-	-	<b>28.079.093.450</b>	<b>28.079.093.450</b>

## TẠM ỨNG

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ông Hoàng Thanh Bình	-	8.400.000.000
Nhân viên khác	60.000.000	107.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>8.507.000.000</b>

## CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>165.049.889</b>	<b>158.953.980</b>
Chi phí bản quyền thiết bị tường lửa	67.180.671	67.180.671
Chi phí bảo hiểm	21.084.925	27.149.200
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.031.830	38.251.085
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.752.463	26.373.024
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>408.599.896</b>	<b>521.743.898</b>
Chi phí thi công, trang trí văn phòng	103.661.006	325.568.481
Chi phí bản quyền phần mềm	135.373.245	161.136.249
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	143.600.280	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.965.365	35.039.168
<b>CỘNG</b>	<b>573.649.785</b>	<b>680.697.878</b>

**CẤM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.000.000</b>	-
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy	3.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>25.003.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>

**CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>165.049.889</b>	<b>158.953.980</b>
Chi phí bản quyền thiết bị tường lửa	67.180.671	67.180.671
Chi phí bảo hiểm	21.084.925	27.149.200
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.031.830	38.251.085
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.752.463	26.373.024
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>408.599.896</b>	<b>521.743.898</b>
Chi phí thi công, trang trí văn phòng	103.661.006	325.568.481
Chi phí bản quyền phần mềm	135.373.245	161.136.249
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	143.600.280	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.965.365	35.039.168
<b>CỘNG</b>	<b>573.649.785</b>	<b>680.697.878</b>

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	Tại 31/12/2017 CP	Tại 01/01/2017 CP	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>3.494.125</b>	<b>3.494.125</b>	<b>74.455.125.000</b>	<b>74.455.125.000</b>
Công ty CP An Phú (APH) (*)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt (*)	26.000	26.000	7.852.000.000	7.852.000.000
Công ty CP Du lịch Tiến Lợi (*)	700.000	700.000	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>3.494.125</b>	<b>3.494.125</b>	<b>74.455.125.000</b>	<b>74.455.125.000</b>

(\*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt, Công ty CP An Phú và Công ty CP Du lịch Tiến Lợi đã thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng theo Quyết định số 17 của Quyết định minh báo cáo tài chính.

**DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	CƠ SỞ LẬP DỰ PHÒNG TẠI 31/12/2017				Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2017	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị thị trường (*)	Giá trị trích lập dự phòng		
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>74.455.125.000</b>	<b>64.999.787.204</b>	<b>9.379.098.141</b>	<b>719.740.299</b>	<b>8.659.357.842</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
CTCP An Phú	316.250	8.287.500.000	8.211.260.345	-	-	-
CTCP Liên Minh (**)	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
CTCP Thời Trang Việt (**)	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000	-	-	-
CTCP Bia và Nước giải khát Việt Hà (**)	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	166.345.978	(166.345.978)
CTCP ĐT Xây Dựng KCN Vĩnh Lộc (**)	1.200.000	15.000.000.000	6.488.619.285	8.511.380.715	164.002.573	8.347.378.142
CTCP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	7.852.000.000	7.816.677.787	35.922.213	19.896.278	15.425.935
CTCP Du lịch Tiến Lợi	700.000	21.000.000.000	20.167.604.787	832.395.213	369.495.470	462.899.743
<b>CỘNG</b>		<b>74.455.125.000</b>	<b>64.999.787.204</b>	<b>9.379.098.141</b>	<b>719.740.299</b>	<b>8.659.357.842</b>

(\*) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư đi hạn theo phương pháp gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của vốn được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính, do đó việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ trên Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(\*\*) Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của các bên nhận đầu tư để xem xét trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng đối với các khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2017

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>5.814.034.824</b>	<b>4.535.854.203</b>	<b>5.822.562.877</b>	<b>5.396.699.213</b>	<b>21.569.151.117</b>
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Phân loại sang Công cụ dụng cụ	-	(712.245.135)	-	(1.145.502.272)	(1.857.747.407)
Giảm khác (*)	(5.590.726.424)	-	-	-	(5.590.726.424)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>223.308.400</b>	<b>3.823.609.068</b>	<b>5.822.562.877</b>	<b>4.251.196.941</b>	<b>14.120.677.286</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>(5.068.894.444)</b>	<b>(4.535.854.203)</b>	<b>(2.843.993.446)</b>	<b>(5.396.699.213)</b>	<b>(17.845.441.306)</b>
Trích khấu hao trong năm	(584.745.252)	-	(583.166.676)	-	(1.167.911.928)
Phân loại sang Công cụ dụng cụ	-	712.245.135	-	1.145.502.272	1.857.747.407
Giảm khác (*)	5.460.331.296	-	-	-	5.460.331.296
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>(193.308.400)</b>	<b>(3.823.609.068)</b>	<b>(3.427.160.122)</b>	<b>(4.251.196.941)</b>	<b>(11.695.274.531)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>745.140.380</b>	<b>-</b>	<b>2.978.569.431</b>	<b>-</b>	<b>3.723.709.811</b>
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.395.402.755</b>	<b>-</b>	<b>2.425.402.755</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 10.265.677.286 đồng.

(\*) Công ty thanh xử lý đối với danh mục các tài sản cố định không còn trên thực tế và đã hết giá trị sử dụng.



**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Website công ty</b>	<b>TSCĐ vô hình khác</b>	<b>CỘNG</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>8.945.568.840</b>	<b>168.955.500</b>	<b>247.396.481</b>	<b>9.361.920.821</b>
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm khác (*)	(113.400.000)	-	-	(113.400.000)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>8.832.168.840</b>	<b>168.955.500</b>	<b>247.396.481</b>	<b>9.248.520.821</b>
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>(5.068.008.840)</b>	<b>(168.955.500)</b>	<b>(247.396.481)</b>	<b>(5.484.360.821)</b>
Trích khấu hao trong năm	(599.827.500)	-	-	(599.827.500)
Giảm khác (*)	113.400.000	-	-	113.400.000
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>(5.554.436.340)</b>	<b>(168.955.500)</b>	<b>(247.396.481)</b>	<b>(5.970.788.321)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>3.877.560.000</b>	-	-	<b>3.877.560.000</b>
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>3.277.732.500</b>	-	-	<b>3.277.732.500</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 4.576.260.821 đồng.

(\*) Công ty thanh xử lý đối với tài sản cố định không còn sử dụng.

## TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.598.665.179	2.507.692.673
Tiền lãi được phân bổ hàng năm	1.022.366.558	1.013.746.108
<b>CỘNG</b>	<b>3.745.244.012</b>	<b>3.645.651.056</b>

## VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay	Tại 01/01/2017	Vay trong năm	Trả trong năm	Tại 31/12/2017
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		<b>55.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>
Vay Ngân hàng TMCP Bản Việt (*)	10,7%	55.000.000.000	108.000.000.000	109.000.000.000	54.000.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>		-	-	-	-
Nợ thuê tài chính		-	-	-	-
<b>CỘNG</b>		<b>55.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt theo Hợp đồng vay số 0043/06917/TDHM-PN ngày 31/05/2017 gồm có các khoản sau:

- Giấy nhận nợ số 03/0043/06917/TDHM-PN ngày 10/11/2017, số tiền vay 32.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay: 10,7%. Thời hạn vay: từ 10/11/2017 đến ngày 10/05/2018.
- Giấy nhận nợ số 04/0043/06917/TDHM-PN ngày 13/11/2017, số tiền vay 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay: 10,7%. Thời hạn vay: từ 13/11/2017 đến ngày 14/05/2018.
- Giấy nhận nợ số 05/0043/06917/TDHM-PN ngày 14/11/2017, số tiền vay 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay: 10,7%. Thời hạn vay: từ 14/11/2017 đến ngày 14/05/2018.

Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0043/06917/02.HĐT-DHM-PN ngày 31/05/2017 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và Công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm:

Cổ phiếu	Số lượng	Ngày phát hành	Người sở hữu
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	1.000.000	3/6/2017	Phan Thị Yên Hà
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	1/3/2014	Công ty CP Chứng khoán Beta
Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	700.000	5/20/2015	Công ty CP Chứng khoán Beta
Công ty CP Du lịch An Phú	316.250	1/22/2013	Công ty CP Chứng khoán Beta
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.000.000	27/12/2007	Công ty CP Chứng khoán Beta

**PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	25.698.353	57.952.604
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	85.957.796	98.357.084
<b>CỘNG</b>	<b>111.656.149</b>	<b>156.309.688</b>

**PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	-	84.500.000
Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn EOI - Việt Nam	-	22.000.000
Công ty Cổ Phần Giám Định Thẩm định Sài Gòn	-	62.500.000
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-

## THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.018.182	71.513.636
Thuế Thu nhập cá nhân	43.927.555	133.474.594
<b>CỘNG</b>	<b>50.945.737</b>	<b>204.988.230</b>

## CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí lãi vay	94.980.823	92.952.995
<b>CỘNG</b>	<b>94.980.823</b>	<b>92.952.995</b>

## CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Thuế TNCN phải trả nhân viên khi quyết toán	11.447.461	8.433.897
Phải trả phải nộp khác	939.000	939.000
<b>CỘNG</b>	<b>12.386.461</b>	<b>9.372.897</b>

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

<b>Cổ đông</b>	<b>THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH</b>		<b>TẠI 31/12/2017</b>	
	<b>Số vốn cam kết góp VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số vốn thực góp VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Ông Nguyễn Văn Cựu	102.962.000.000	25.74%	102.962.000.000	25.74%
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	58.868.300.000	14.72%	58.868.300.000	14.72%
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	51.825.000.000	12.96%	51.825.000.000	12.96%
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11.00%	44.000.000.000	11.00%
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7.50%	30.000.000.000	7.50%
Bà Phan Thị Yên Hà	42.125.000.000	10.53%	42.125.000.000	10.53%
Các cổ đông khác	70.219.700.000	17.55%	70.219.700.000	17.55%
<b>CỘNG</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>

**CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2017 Số tăng/(giảm) VND	Năm 2016 Số tăng/(giảm) VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-
Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế tăng trong năm	8.607.686.751	(24.751.287.374)
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>(13.699.222.165)</i>	<i>(5.077.742.881)</i>
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>22.306.908.916</i>	<i>(19.673.544.493)</i>
<b>CỘNG</b>	<b>8.607.686.751</b>	<b>(24.751.287.374)</b>

## NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Đối tượng	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lê Thị Thu Hương	231.826.917	231.826.917
Lại Danh Dương	806.108.430	806.108.430
<b>CỘNG</b>	<b>1.037.935.347</b>	<b>1.037.935.347</b>

## TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.096.000.000	1.505.930.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	51.918.690.000	62.680.300.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>57.014.690.000</b>	<b>64.186.230.000</b>

## TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.000	2.118.320.000
<b>CỘNG</b>	<b>40.000</b>	<b>2.118.320.000</b>



**TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	430.792.660.000	340.623.400.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.647.000.000	126.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.084.781.160.000	1.303.802.810.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	476.579.090.000	434.468.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.231.200.000	5.195.800.000
<b>CỘNG</b>	<b>1.996.031.110.000</b>	<b>2.084.216.980.000</b>

**TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.513.810.000	40.660.510.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	42.110.120.000
<b>CỘNG</b>	<b>14.513.810.000</b>	<b>82.770.630.000</b>

**TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>4.471.712.704</b>	<b>2.584.898.061</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	4.468.551.137	2.581.649.903
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	3.161.567	3.248.158
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
<b>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>2.886.702.500</b>	<b>43.701.652.800</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	2.886.702.500	43.701.652.800
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>7.358.415.204</b>	<b>46.286.550.861</b>

**TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của	-	7.000
Tổ chức phát hành	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>7.000</b>

**PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>4.471.712.704</b>	<b>2.584.898.061</b>
- Của Nhà đầu tư trong nước	4.468.551.137	2.581.649.903
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	3.161.567	3.248.158
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Nhà đầu tư trong nước	-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>2.886.702.500</b>	<b>43.701.652.800</b>
Nhà đầu tư trong nước	-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.886.702.500	43.701.652.800
<b>Phải trả khác của Nhà đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>CỘNG</b>	<b>7.358.415.204</b>	<b>46.286.550.861</b>

**PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của	-	7.000
Tổ chức phát hành	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>7.000</b>

**PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải trả nghiệp vụ margin</b>	<b>10.832.328.235</b>	<b>31.242.977.432</b>
Phải trả gốc margin (Nhà đầu tư trong nước)	10.769.277.276	31.027.753.406
Phải trả lãi margin (Nhà đầu tư trong nước)	63.050.959	215.224.026
<b>Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>2.061.436.083</b>	<b>2.181.708.537</b>
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	2.061.436.083	2.181.708.537
Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>12.893.764.318</b>	<b>33.424.685.969</b>

**PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	4.896.415	8.140.752
<b>CỘNG</b>	<b>4.896.415</b>	<b>8.140.752</b>

**LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi (Lỗ) bán chứng khoán năm 2017	Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm 2016
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>939.000</b>	<b>12.831</b>	<b>11.496.890.522</b>	<b>551.099.478</b>	<b>135.204.839</b>
GMD	-	-	-	-	16.380.000
EIB	939.000	12.831	11.496.890.522	551.099.478	-
HPG	-	-	-	-	87.038.215
REE	-	-	-	-	31.786.624
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.437.147.313</b>
Quỹ đầu tư CK Y tế Bản Việt	-	-	-	-	2.437.147.313
<b>CỘNG</b>	<b>939.000</b>	<b>12.831</b>	<b>11.496.890.522</b>	<b>551.099.478</b>	<b>2.572.352.152</b>

**CHÉNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Danh mục tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2017	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2016	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm 2017
<b>Loại FVTPL</b>	<b>83.332.572.946</b>	<b>74.127.703.340</b>	<b>(9,204,869,606)</b>	<b>(31,511,778,522)</b>	<b>22,306,908,916</b>
Cổ phiếu niêm yết	83.332.572.946	74.127.703.340	(9,204,869,606)	(31,511,778,522)	22,306,908,916
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
<b>Loại HTM</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>	<b>12.830.713.359</b>	<b>10.567.669.412</b>	<b>(2,263,043,947)</b>	<b>(3,218,633,292)</b>	<b>955,589,345</b>
Các khoản cho vay hoạt động Margin	10.769.277.276	8.506.233.329	(2,263,043,947)	(3,218,633,292)	955,589,345
Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	2.061.436.083	2.061.436.083	-	-	-
<b>Loại AFS</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>CỘNG</b>	<b>96.163.286.305</b>	<b>84.695.372.752</b>	<b>(11,467,913,553)</b>	<b>(34,730,411,814)</b>	<b>23,262,498,261</b>

**CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS**

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	197.836.506	878.615.766
Từ tài sản tài chính HTM	92.083.334	1.783.261.111
Từ các khoản cho vay và phải thu	493.862.032	3.716.380.308
Từ AFS	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>783.781.872</b>	<b>6.378.257.185</b>

**DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	975.391.303	1.480.931.562
Doanh thu hoạt động tư vấn	315.000.000	1.271.180.094
Doanh thu hoạt động lưu ký	404.318.284	724.828.808
Thu nhập hoạt động khác	10.513.343.519	41.382.511.839
<b>CỘNG</b>	<b>12.208.053.106</b>	<b>44.859.452.303</b>

**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1,560,395,800	2,279,126,420
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,063,812,238	1,234,659,746
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	582,512,278	785,851,209
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	1,364,493	1,049,814
<b>CỘNG</b>	<b>3,208,084,809</b>	<b>4,300,687,189</b>

## DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	58,332,292	146,480,947
Doanh thu lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán	204,724,551	196,104,101
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50,000,000	-
<b>CỘNG</b>	<b>313,056,843</b>	<b>342,585,048</b>

## CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	4,744,149,397	32,610,763,561
Hoàn trả phí sử dụng vốn	-	9,900,000,000
Chi phí dự phòng	8,659,357,842	-
<b>CỘNG</b>	<b>13,403,507,239</b>	<b>42,510,763,561</b>

## CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	4,664,963,724	4,552,321,491
Chi phí vật liệu, bao bì	56,129,769	34,334,924
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	181,748,779	156,888,472
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,212,994,176	1,690,569,012
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3,000,000	50,292,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,628,278,070	3,090,488,316
Chi phí bằng tiền khác	986,589,198	977,756,376
<b>CỘNG</b>	<b>10,733,703,716</b>	<b>10,552,650,591</b>

**THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
Khoản cổ tức Beta phải trả vào thu nhập theo Biên bản Thanh tra Thuế ngày 18/02/2016	-	1,466,400,000
Thu nhập khác	-	29,162,000
	-	<b>1,495,562,000</b>
<b>CỘNG</b>		

**CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
Chi phí thanh xử lý TSCĐ	685,140,380	-
Chi phí nộp phạt thuế	-	64,180,576
Chi phí khác	700,000	24,535,625
<b>CỘNG</b>	<b>685,840,380</b>	<b>88,716,201</b>



**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8,607,686,751</b>	<b>(24,751,287,374)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	70,295,792	1,781,206,735
<b><i>Các khoản điều chỉnh tăng</i></b>	<b>1,226,666,087</b>	<b>3,738,055,835</b>
<i>Chi phí không được trừ</i>	1,226,666,087	3,738,055,835
<b><i>Các khoản điều chỉnh giảm</i></b>	<b>(1,156,370,295)</b>	<b>(1,956,849,100)</b>
<i>Cổ tức nhận được</i>	(200,780,950)	(490,449,100)
<i>Thu nhập từ cổ tức đã tính thuế</i>	-	(1,466,400,000)
<i>Dự phòng phải thu hoàn nhập</i>	(955,589,345)	-
Chuyển lỗ các năm	8,677,982,543	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(22,970,080,639)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>8,607,686,751</b>	<b>(24,751,287,374)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>8,607,686,751</b>	<b>(24,751,287,374)</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	40,000,000	40,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>215</b>	<b>(619)</b>

## MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	199,152,711,842	9,832,647,754
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	74,127,703,340	63,189,684,946
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	30,000,000,000
Các khoản cho vay	10,567,669,412	29,990,828,651
Các khoản phải thu ngắn hạn	110,106,515	1,119,807,359
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	719,896,415	841,890,752
Các khoản phải thu khác	755,012	148,200,000,000
<b>CỘNG</b>	<b>284,678,842,536</b>	<b>283,174,859,462</b>
<b>Nợ phải trả chính</b>		
Vay và nợ	54,000,000,000	55,000,000,000
Phải trả người bán	-	84,500,000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	111,656,149	156,309,688
Chi phí phải trả	94,980,823	92,952,995
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12,386,461	9,372,897
<b>CỘNG</b>	<b>54,219,023,433</b>	<b>55,343,135,580</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>230.459.819.103</b>	<b>227.831.723.882</b>

### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0043/06917/02.HĐTDHM-PN ngày 31/05/2017 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và Công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm:

Cổ phiếu	Số lượng (CP)	Ngày phát hành	Người sở hữu
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	1.000.000	6/3/2017	Phan Thị Yên Hà
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	3/1/2014	Công ty CP Chứng khoán Beta
Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	700.000	20/5/2015	Công ty CP Chứng khoán Beta
Công ty CP An Phú	316.250	22/1/2013	Công ty CP Chứng khoán Beta
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.000.000		Công ty CP Chứng khoán Beta

### Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

### MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

	Bất kỳ thời điểm nào	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	-	54,000,000,000	-	54,000,000,000
Phải trả người bán	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	111,656,149	-	111,656,149
Chi phí phải trả	-	94,980,823	-	94,980,823
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	12,386,461	-	12,386,461
<b>CỘNG</b>	-	<b>54,219,023,433</b>	-	<b>54,219,023,433</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	-	55,000,000,000	-	55,000,000,000
Phải trả người bán	-	84,500,000	-	84,500,000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	156,309,688	-	156,309,688
Chi phí phải trả	-	92,952,995	-	92,952,995
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	9,372,897	-	9,372,897
<b>CỘNG</b>	-	<b>55,343,135,580</b>	-	<b>55,343,135,580</b>

	Bất kỳ thời điểm nào	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	199,152,711,842	-	199,152,711,842
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	-	74,127,703,340	-	74,127,703,340
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	10,567,669,412	-	10,567,669,412
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	110,106,515	-	110,106,515
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	719,896,415	-	719,896,415
Các khoản phải thu khác	-	755,012	-	755,012
<b>CỘNG</b>	-	<b>284,678,842,536</b>	-	<b>284,678,842,536</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	9,832,647,754	-	9,832,647,754
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	-	63,189,684,946	-	63,189,684,946
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	30,000,000,000	-	30,000,000,000
Các khoản cho vay	-	29,990,828,651	-	29,990,828,651
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	1,119,807,359	-	1,119,807,359
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	841,890,752	-	841,890,752
Các khoản phải thu khác	148,200,000,000	-	-	148,200,000,000
<b>CỘNG</b>	<b>148,200,000,000</b>	<b>134,974,859,462</b>	-	<b>283,174,859,462</b>

## THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Giao dịch với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng Hoàn ứng	156.061.400.000 156.061.400.000	17.600.000.000 29.110.417.803
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng Hoàn ứng	76.384.600.000 76.481.600.000	1.390.500.000 1.293.500.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	1.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	4.000.000.000	-
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	2.300.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	3.000.000.000	-

### Số dư của Công ty với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017	
			Khoản phải trả VND	Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	54.000.000.000	-	55.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng Ứng trước	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	32.300.000.000	32.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	45.900.000.000	45.900.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	97.000.000	97.000.000

**Thu nhập của HDDQT và Ban Tổng giám đốc**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	1.630.264.221	1.770.997.774
<b>Cộng</b>	<b>1.630.264.221</b>	<b>1.770.997.774</b>

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại 31/12/2016 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)	Số phân loại lại	Tại 01/01/2017 Sau phân loại
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	136.925.069.647	(73.735.384.701)	63.189.684.946
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>Các khoản đầu tư</b>	<b>210</b>		<b>73.735.384.701</b>	<b>73.735.384.701</b>
Đầu tư dài hạn khác	212.4	-	74.455.125.000	74.455.125.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	-	(719.740.299)	(719.740.299)



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Tại 31/12/2016 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)	Số phân loại lại	Năm 2016 Sau phân loại
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	3.218.633.292	(468.832.600)	2.749.800.692
Chi phí các dịch vụ khác	32	(467.782.786)	468.832.600	1.049.814



**HUYỀN VĂN TỐT**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Đinh Tuyết Mai**  
Kế toán trưởng

**ĐỖ THỊ THANH HOA**  
Người lập biểu

**Hội sở**

Tầng 4 & 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)

**Văn phòng đại diện Nha Trang**

34 Thống Nhất, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3822 120

Fax: (058) 3825 440

Email: [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)